

ông đã bị loại khỏi bộ chính trị nhưng cuối cùng đã thắng, kinh nghiệm Yeltsin rất có thể sẽ gợi ý cho một số lãnh đạo cộng sản Việt Nam.

Một hiện tượng đã bắt đầu từ hai năm nay và ngày càng trở nên rõ rệt là vật giá gia tăng mạnh. Tháng 12-2007 tổng cục thống kê ước lượng vật giá gia tăng 9% trong năm 2007, chỉ một tháng sau ước lượng này được điều chỉnh lại là 14% ; một sự điều chỉnh quan trọng và đột ngột như vậy tự nó đã chứng tỏ lạm phát không còn kiểm soát được nữa, nhưng trong thực tế tình trạng còn bi đát hơn nhiều. Thực phẩm, giá thuê nhà, học phí và những nhu yếu phẩm của quần chúng tăng gần 50%, nhiều bà nội trợ còn khẳng định giá cả dịp Tết năm nay cao gấp đôi dịp Tết năm ngoái, trong khi đó thu nhập của quần chúng chỉ tăng từ 5 đến 10% tùy khu vực, 20% trong những trường hợp thuận lợi nhất. Như vậy mức sống của quần chúng sẽ sa sút hẳn và tạo ra căng thẳng trong xã hội, đặc biệt trong khối công nhân. Đình công lớn đã nổ ra tại Đà Nẵng và đang có khuynh hướng lan rộng.

Năm 2008 cũng sẽ là năm mà vấn đề môi trường sẽ được thảo luận một cách gay gắt hơn hẳn trước đây, không những bởi đối lập dân chủ mà còn bởi chính những người có trách nhiệm trong đảng và nhà nước. Những diễn văn thiện chí không còn tác dụng xoa dịu nữa, đã đến lúc phải có những biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường đã quá nguy ngập. Khối dân oan cũng sẽ quyết tâm hơn, mạnh bạo hơn và có kinh nghiệm đấu tranh hơn. Tình thế sẽ rất gay go cho chính quyền cộng sản. Hãy nhìn vụ người công giáo tập trung cầu nguyện đòi lại tòa Khâm Sứ tại Hà Nội. Chính quyền cộng sản đã nhượng bộ. Đây là một quyết định đúng, nhưng nó sẽ chỉ có tác dụng kích thích những đòi hỏi chính đáng khác. Vấn đề khiếu kiện nhà đất không thể có giải pháp vì ít nhất hai lý do : một là không có định chế nào, dù là thủ tướng chính phủ, có thể áp đặt một quyết định; hai là số lượng nhà đất bị cưỡng đoạt quá nhiều, có thể là hàng triệu vụ, giải quyết một vụ chỉ kích thích hàng trăm vụ khác.

Và chính quyền cộng sản, đặc biệt là ông Nguyễn Tấn Dũng, vẫn còn nợ nhân dân Việt Nam lời hứa chống tham nhũng không hề được thực hiện. Sự chờ đợi đã nhường chỗ cho thất vọng, thất vọng đang nhường chỗ cho sự oán ghét.

Nhiều khó khăn khác cũng sẽ đến, thí dụ sự phản nộ trước chính sách lấn chiếm ngày càng xác xược của Trung Quốc trên Biển Đông mà những cuộc biểu tình hồi tháng 12-2007 chỉ là điềm báo trước. Đảng cộng sản sẽ rất bối rối và dù muốn hay không cũng phải nổi lúng lúng sợ đàn áp. Họ có thể sẽ lập ra một vài tổ chức đối lập cuội do họ kiểm soát, trên thực tế họ đã bắt đầu, nhưng đây cũng vẫn là một



yếu tố tích cực bởi vì một khi đã dung túng một tổ chức đối lập thì không còn lý do nào để cấm đoán các tổ chức đối lập khác. Các hoạt động dân chủ sẽ dễ dàng hơn, nhưng phải rút kinh

nghiệm của hai năm 2006 và 2007 trong đó hàng chục tổ chức ra đời một cách hấp tấp rồi bị dẹp tan nhanh chóng, nhiều thiện chí và sinh lực đã bị uổng phí.

Vấn đề của những người dân chủ là tìm ra một kịch bản đúng cho cố gắng vận động dân chủ. Kịch bản đó phải đặt trọng tâm vào việc xây dựng một lực lượng dân chủ có tầm vóc. Không nên tốn kém quá nhiều thời giờ và nghị lực cho những nhân sĩ và những nhóm mới thành lập bởi những người chưa có kinh nghiệm đấu tranh dân chủ có tổ chức. Dù có thực sự có thiện chí hay không thì kết quả của những hoạt động của họ cũng chỉ có tác dụng là lôi kéo sự chú ý của quần chúng khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh. Họ tin tưởng một cách ngây thơ là có thể đấu tranh chính trị mà không cần tổ chức, hoặc một tổ chức chính trị có thể xây dựng được trong một vài tháng.

Các nhân sĩ và các nhóm ngẫu phát này không thể làm gì khác hơn là tìm cách gây tiếng vang tối đa để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng cho họ. Tuy vậy họ không hiểu bản chất của công tác vận động quần chúng. Khát vọng dân chủ và công lý của quần chúng Việt Nam rất cao nhưng đừng bao giờ quên rằng quần chúng chỉ có thể động viên được nếu có một tổ chức mạnh để lãnh đạo, và đảng nào thì quần chúng cũng chỉ động viên được trong một thời gian ngắn. Một cuộc nổi dậy của quần chúng hoặc giành được thắng lợi nhanh chóng hoặc sẽ thất bại, kiên trì không phải là một đức tính của quần chúng. Trong giả thuyết vận động được quần chúng đứng dậy thì cũng bắt buộc phải có một tổ chức đủ mạnh để biến một thành công nhất thời thành một thắng lợi không thể đảo ngược. Một lần cho tất cả phải ý thức một cách thật rõ rệt rằng khi chưa có một tổ chức mạnh thì mọi cố gắng vận động quần chúng đều vô ích, cùng lắm chỉ gây được tiếng vang nhất thời và sau đó để lại sự thất vọng. Xây dựng một tổ chức chính trị đúng nghĩa đòi hỏi một cố gắng dài hơi trong hàng thập niên, nhưng là điều kiện bắt buộc. Không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không có một tổ chức dân chủ mạnh. Trong hơn ba thập niên qua chúng ta đã cố tránh né sự thực hiện nhiệm vụ này, đã cố đi tìm những đường tắt, nên đã chẳng đạt được thành tựu nào đáng nói. Nếu vào năm 1975, hay khi bức tường Berlin sụp đổ năm 1989, chúng ta dám có can đảm nhận diện và xắn tay áo giải quyết vấn đề cốt lõi này thì đất nước đã có dân chủ rồi. Chúng ta đã tránh né thay vì đối đầu với khó khăn cho nên khó khăn vẫn còn đó. Tuy vậy chúng ta không phải bắt đầu từ số không bởi vì trong thời gian đó cũng đã có những người nhìn đúng và hành động đúng, họ đã đi được một đoạn đường quan trọng, cố gắng của họ chỉ cần được đẩy mạnh thêm. Năm 2008 sẽ là một năm thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ, năm 2009 và những năm kế tiếp sẽ còn thuận lợi hơn, nhưng một tình thế dù thuận lợi đến đâu cũng cần được vận dụng đúng. Phải khẩn cấp thay đổi cách suy nghĩ và hành động. Các cơ sở truyền thông có vai trò quan trọng trong cuộc chuyển đổi tâm lý cần thiết này, nhưng mọi người có ý thức, như độc giả và thân hữu Thông Luận, cũng đều ít nhiều có chức năng hướng dẫn dư luận.

**Thông Luận**







# Ước vọng đầu năm Mậu Tý 2008

Phạm Đình

Trong ngày Tết truyền thống này, chúng tôi cũng muốn tâm tình cùng bạn đọc và thân hữu khắp nơi qua đôi dòng khai bút đầu năm.

Tình hình đất nước chúng ta trong năm 2007 đang mở ra những triển vọng mới cho tiến trình dân chủ hóa nước nhà. Đầu năm vừa qua, nhà nước cộng sản ra tay đàn áp thô bạo chưa từng thấy trong vòng hai mươi năm qua. Đợt trấn áp hung bạo đó không chứng tỏ thể mạnh của nhà nước này, mà chỉ chứng tỏ họ đang lúng túng bị động trước đà tiến của dòng thác cách mạng dân chủ đang trào dâng. Cuối năm lại xảy ra biến cố Tam Sa. Có thể nói, biến cố cuối năm đã cô đọng đầy đủ sự tối đờ của ban lãnh đạo chính trị Việt Nam đương quyền, một mặt họ khiếp nhược trước ngoại bang, một mặt họ vẫn khinh thường nhân dân, sách nhiễu những công dân yêu nước một cách ngang ngược và vô ý thức. Nhưng biến cố này chỉ là một trong hàng loạt những nan đề mà nhà nước cộng sản Việt Nam đã không thể giải quyết đến nơi đến chốn, vì từ bản chất thối nát của nó, nhà nước này không thể có khả năng giải quyết. Đó là những vấn đề dân oan khiếu kiện, tham nhũng trong hệ thống cơ chế, bất lực trong việc quản lí đầu tư giáo dục, hố cách biệt giàu nghèo lan rộng, khả năng quản lí kinh tế trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay...

Đứng trước những nan đề lớn lao của đất nước, đảng cộng sản đã không làm gì hơn ngoài những động thái giả tạo, cục bộ mà hoàn toàn bất lực trước đòi hỏi phải giải quyết toàn diện và triệt để.

Trong hoàn cảnh khó khăn như thế, đảng cộng sản đang phải đối mặt với nguy cơ sụp đổ toàn diện trước cao trào dân chủ đang ngày càng áp đảo. Trong hoàn cảnh như thế, họ đã gian xảo quay trở lại dùng những bài bản cũ : một mặt họ dùng chiêu bài hòa hợp dân tộc để tạo ra một loạt những tổ chức mà họ sử dụng như những con bài trong lúc nguy khốn ; mặt khác, họ trấn áp triệt để những tiếng nói dân chủ đích thực. Nhưng một lần nữa, thái độ cầu giời chỉ có hại cho chính số phận đảng cộng sản Việt Nam trước nhân dân và lịch sử mà thôi. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên vẫn kiên quyết giữ vững lộ trình dân chủ hóa đất nước. Tập Hợp đã đi qua năm 2007 với tư thế vững chãi của một tổ chức dân chủ có một lộ đồ dân chủ minh bạch, toàn diện, tiến bộ và khả thi.

Diễn đàn Thông Luận bước vào năm 2008 với tư thế tự tin vững chãi đó, và với tâm thế rộng mở, Thông Luận khai bút với đôi ba ước vọng cho năm mới.

Lời ước nguyện đầu tiên là Thông Luận sẽ cố gắng cải tiến nội dung bài vở để đáp lại sự tin cậy của bạn đọc và bạn viết khắp nơi. Trong thời gian hai năm nay, chúng tôi đã cố gắng thể hiện tinh thần rộng mở trong việc chọn lọc bài vở, nhưng cũng không quên sứ mệnh truyền đạt quan điểm lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên phổ cập trong công chúng Việt Nam. Thành tựu lớn nhất của năm 2007 vừa qua là Thông Luận đi tiên phong cho một cuộc nhìn lại, soát xét lại hành trang của phong trào dân chủ Việt Nam, để có thể bước vào giai đoạn mới của cuộc vận động dân chủ lâu dài cho đất nước.

Khi cuộc kiểm kê mới được phát động, một số thân hữu đã cho rằng giữa khi phong trào dân chủ đang gặp khó khăn mà

làm việc kiểm điểm thì lợi bất cập hại. Thật ra việc xét lại này là một công việc thường xuyên và bắt buộc nếu chúng ta không muốn rơi vào tình cảnh ảo tưởng hoặc lừa dối chính mình. Và chẳng, đối với một tổ chức như Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thì việc "kiểm điểm lực lượng" đã được ghi nhận trong Dự Án Chính Trị chứ nào phải là một việc làm ngẫu hứng và tùy tiện. Cho đến nay tiến trình kiểm điểm và xét lại vẫn đang còn tiếp tục để củng cố và phát triển lực lượng dân chủ đang cần nâng cao phẩm chất và bản lĩnh hoạt động.

Khi Thông Luận đề nghị một cuộc xét lại cho cuộc vận động cách mạng dân chủ cho đất nước, chúng tôi không hề có tâm trạng bi quan (cho rằng phong trào dân chủ đang hấp hối, tan rã...), hay lạc quan tếu (như một bản ghi nhận hàng trăm thành tựu của phong trào dân chủ Việt Nam trong năm qua được phổ biến trên mạng vào đầu năm 2008). Cả hai thái độ vừa kể đều xa lạ với quan điểm của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Như đã trình bày, chúng tôi chỉ làm một việc tự kiểm trên cơ sở phân tích chính trị xã hội, có phải đâu là những xúc động nặng cảm tính. Hẳn nhiên cuộc tự kiểm nào cũng đôi khi đau xót, nhưng là nỗi đau bắt buộc cho một bước trưởng thành.

Trở lại với những định hướng lớn ghi trong Dự Án Chính Trị của THĐCĐN mà chúng tôi dùng làm cơ sở để kiểm định tình hình trong cuộc xét lại này, có thể thấy rằng cho đến nay thì đồng thuận đã gần như là tuyệt đối : lí tưởng dân chủ đa nguyên là cái đích phải tới cho đất nước. Trong ngôn từ thông dụng hiện nay, chúng ta thường nói đến "đa nguyên đa đảng" chính là nói đến lí tưởng này. Nhưng còn hòa giải và hòa hợp dân tộc ? hãy gác lại những ngộ nhận vô tình hay cố tình, có lẽ chỉ cần khẳng định lại lần nữa rằng chìa khóa của hòa giải và hòa hợp dân tộc không nằm ở đâu khác ngoài chính đại khối dân tộc. Chỉ có sức mạnh của đồng thuận dân tộc mới là sức mạnh buộc đảng cộng sản Việt Nam phải trở về chỗ đứng chính danh của một đảng chính trị và thôi tiếm đoạt quyền lực để áp đặt lên đất nước như họ làm suốt hơn 60 năm qua.

Theo hướng nhìn đó, Thông Luận hoan nghênh những nỗ lực trong phạm vi xã hội dân sự để phát huy hòa giải và hòa hợp dân tộc một cách cụ thể. Một trong những nỗ lực như thế là sự ra đời của tập san *Hợp Lưu* trong thập niên những năm 1990. Một vài năm trở lại đây, xu thế hòa nhập văn học đã được tiếp nối qua một số diễn đàn văn hóa tại hải ngoại, như *talawas*, *Tiến Vệ*, *Da Màu*, *Gió-O*. Tất cả đều là những diễn đàn văn hóa-văn chương rộng mở tại hải ngoại. Điều này chỉ có nghĩa là điều kiện khó khăn về mặt xã hội và chính trị trong nước chưa cho phép một bước mở đường tương tự từ phía bên trong nước. Vì thế, hôm nay đây, đúng Mồng Một tết Mậu Tý, chúng tôi được biết một số nhà văn trong nước cũng vừa để xướng một cuộc hội luận trên mạng, mang chủ đề : "Hội nhập giữa những người cầm bút trong nước và ở hải ngoại", mà các bạn xem như "một món quà mừng năm mới tới tất cả những ai mong muốn văn hóa Việt Nam ngày thêm khởi sắc".

Hãy còn quá sớm để có thể nói gì về cuộc hội luận này. Ở đây, chúng tôi chỉ xin lưu ý vài điều :

Trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc thì đối thoại văn học giữa nhà văn trong nước và ngoài nước cũng tốt thôi, và

Thông Luận sẵn sàng hỗ trợ phổ biến các tham luận tham gia hội luận này. Tuy thế, chúng tôi trộm nghĩ cuộc đối thoại giữa các nhà văn trong và ngoài lúc này chưa phải là việc làm cơ bản.

Đối thoại sẽ đi đến đâu khi chính "nhà văn" trong nước vừa mới tiến hành một cuộc "đấu tố" Dương Nghiễm Mậu (một nhà văn hàng đầu của hai mươi năm văn học Miền Nam thời chia cắt), vào lúc một công ti xuất bản phát hành một số tác phẩm của nhà văn này ? Đối thoại sẽ ích gì khi cả một gia sản hai mươi năm văn học còn đang chờ rũ bụi, chờ khai quật để trả lại cho công chúng văn học, cho lịch sử ? Đối thoại cần bắt đầu từ những anh em trong gia đình văn hóa nghệ thuật trong nước, để nhìn lại bạn bè, nhận lại rõ mặt người anh em mà hơn ba mươi năm qua bị vùi lấp, bị phủ định, xem như là không có mặt trên đời này ! Nhà văn và trí thức trong nước cần nghĩ đến ngày mai, khi chúng ta đều phải chịu lịch sử tra hỏi lương tâm mình. Khi những việc cốt lõi kia chưa được giải tỏa thì đối thoại giữa nhà văn trong và ngoài nước chỉ vô tình tiếp tay cho cái Nghị Quyết 36 về công tác người Việt ở nước ngoài mà đến nay công luận đã nhận rõ chân tướng của nó.

Tóm lại, trong tình hình hiện nay, một cuộc khởi động cho văn hóa và nghệ thuật của Việt Nam là rất cần thiết. Nhà văn và người trí thức Việt dù ở đâu cũng cần ý thức về vai trò và chỗ đứng của mình trong cộng đồng dân tộc để tiên phong mở đường cho một cuộc đối thoại lớn lao, không thể chờ đợi ai cởi trói cho mình được đâu. Cuộc đối thoại này cần bắt đầu từ những nhà văn trong nước với nhau để nhìn nhận lại một gia sản hai mươi năm văn học Miền Nam đang bị vùi lấp.

Ước nguyện thứ nhì của Thông Luận là góp phần vào công cuộc bảo vệ Tiếng Việt. Công luận vẫn còn nhớ những tranh luận không hồi kết chung quanh những vấn đề của Tiếng Việt trong nhiều thập niên qua. Tình trạng tiếng Việt hôm nay là sự phỉ báng vào Tiếng-Việt-văn-hóa mà những thế hệ trí thức của thế kỷ XX đã tô bồi. Các thức giả quan tâm đến việc gìn giữ tính cách của Tiếng Việt đã nhiều phen nhủ mảy vì tình trạng ô tạp của hoạt động Tiếng Việt trong đời sống hằng ngày. Những hoạt động xô bồ của tiếng Việt từ khi đất nước mở cửa hội nhập với thế giới bên ngoài đã bộc lộ tình cảnh đáng lo ngại của tiếng Việt trong đời sống hiện đại. Có thể nêu ra đây một số điểm đáng lo ngại của tiếng Việt như sau :

- bắt chước thanh điệu tiếng Việt, phát âm ngọng nghịu, sai lạc ngữ âm tiếng Việt ;
- bắt chước quy tắc tạo từ của tiếng Việt, thậm chí pha tạp từ tiếng Âu Mỹ vào từ ngữ tiếng Việt không có lí do chính đáng ngoài lí do là khoe mẽ mô kiến thức ăn đong từ ngữ tiếng nước ngoài để lòe bịp công chúng trong nước ;
- pha tạp các lối nói Âu Mỹ trong sinh hoạt lời nói. Sự pha tạp này thể hiện qua việc đưa các cấu trúc câu và ngữ đoạn theo ngôn ngữ Âu Mỹ vào các cấu trúc tiếng Việt.

Tại sao lại xảy ra tình hình trời dạt của tiếng Việt như thế? Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân đầu tiên vẫn là sự bất lực của nhà nước (các cơ chế chủ quản về sinh hoạt ngôn ngữ), nhà trường và truyền thông đại chúng. Cả ba lãnh vực này đều bị thả nổi để cho hoạt động tiếng Việt trong nhà trường, trên báo chí và truyền thông đại chúng, bị những kẻ thiếu văn hóa, thiếu trình độ tiếng Việt, và nhất là thiếu tự trọng, liên tục tiến công lỗ tai và con mắt của công chúng trong cộng đồng ngôn ngữ Tiếng Việt trong nước và ngoài nước hiện nay.

Tình trạng tha hóa của Tiếng Việt đã đến mức báo động nghiêm trọng, đòi hỏi một nhà nước có văn hóa phải nhận trách

nhệm giải quyết khẩn cấp.

Không phải là sự tình cờ mà hôm nay chúng tôi trình bạn đọc một bài viết về Thạch Lam. Đối với công chúng Việt Nam trẻ tuổi hiện nay, bài viết có ý nghĩa nhiều mặt. Chỉ nói riêng về mặt sử dụng tiếng Việt thôi thì có thể thấy rằng : từ chính câu văn chữ viết của Thạch Lam đến câu văn chữ viết của người viết về Thạch Lam đều cho thấy ý chí tìm biết và gìn giữ bản sắc dân tộc cao độ. Cũng xin lưu ý là Thạch Lam mất đi lúc mới 32 tuổi, rất trẻ. Điều này chỉ có nghĩa rằng ý thức gìn giữ bản sắc Tiếng Việt không phải là ưu tư của người lớn tuổi. Ý thức về bản sắc văn hóa không đợi tuổi.

Thách đố cho mỗi người Việt chúng ta hôm nay là phải trả lời cho được : ta phải phát huy và gìn giữ thứ tiếng Việt nào đây? Quả thế, tình hình Tiếng Việt hôm nay là chúng ta có nhiều thứ tiếng Việt quá : có một thứ tiếng Việt của quan chức cộng sản thiếu văn hóa nhưng thích kiểu cách học làm sang, ngôn từ rối rắm những câu chữ công thức và sáo rỗng ; có loại tiếng Việt trơ trệ của những kẻ muốn chúng tỏ mình là kẻ đang muốn hòa nhập (hay hòa tan) vào ngôn ngữ Âu Tây ; có loại tiếng Việt khệnh khạng khép kín với tiếng-Việt-văn-hóa hiện đại và tự mãn với tình trạng ốc đảo ngôn ngữ ; có loại ngôn ngữ văn hóa của miền Bắc theo xu hướng chữ nghĩa Mao hóa của Trung Hoa sau năm 1949 ; có thứ tiếng Việt văn hóa của miền Nam tiếp nối nếp ngôn ngữ từ thế hệ Tự Lực Văn Đoàn... Tùy góc nhìn mà chúng ta có thể nhận ra các loại tiếng Việt đang sử dụng trong đời sống ngôn ngữ tiếng Việt hiện nay.

Nêu ra tình hình phức tạp hiện nay chỉ là để chúng ta cùng nhìn lại và chọn lựa một hướng làm việc. Thông Luận đề nghị một hướng gìn giữ và phát huy tiếng Việt văn hóa trong tình hình chúng ta phải gạn đục khơi trong, không thể "vô tu" trượt theo tình trạng vô tổ chức và thiếu văn hóa của hoạt động tiếng Việt như chúng ta thấy hiển hiện trong sinh hoạt truyền thông đại chúng, trong nhà trường hiện nay.

Khi nói đến giáo dục cũng là khi chúng ta chạm vào một vết thương nhức nhối và thâm niên của xã hội Việt Nam hôm nay. Những ai quan tâm đến giáo dục - hiểu như một lãnh vực đầu tư tương lai đất nước - sẽ không thể không kinh hoàng vì hiện trạng giáo dục, vì trong bao nhiêu năm nay tiền của nhân dân bị ném liên tục vào những cuộc đấu tư không tính toán, thiếu định hướng. Sự dốt nát của các thế hệ lãnh đạo giáo dục trong Nam và ngoài Bắc đã dẫn đến tình trạng thê thảm hiện nay. Tình trạng giáo dục hiện nay đòi hỏi sự đầu tư hiểu biết và đầu tư kế hoạch sâu rộng và bền bỉ. Năm 2007 công luận Việt Nam bị hệ thống tuyên truyền của nhà nước cộng sản Việt Nam lừa phỉnh trong cuộc tranh cãi không kết cục về chuyện tăng học phí, một vấn đề rất cục bộ, một vấn đề trên ngọn. Bàn chuyện giáo dục Việt Nam bây giờ không chỉ đơn trón trên ngọn như thế.

Cuộc tính sổ đầu năm về những dự toán cho năm mới xem ra khá bế bộn. Tuy vậy, vận hội đất nước sớm muộn gì cũng phải tiến về dân chủ đa nguyên thôi. Trong thể chế dân chủ đa nguyên, sự hiểu biết là đầu nguồn cho sự vươn lên vững chắc của đất nước. Hãy bắt đầu từ hôm nay cuộc đấu tư cho những mảng công việc chuyên môn khá cần thiết đó.

Trong sự nao nức của đầu xuân lộc mới, chúng tôi chúc nguyện được cùng bạn đọc và bạn viết khắp nơi góp mặt trong các mảng đề tài mà Thông Luận ước vọng trong năm Mậu Tí 2008 này.

**Phạm Đình**

# Thông điệp của mùa xuân

Diệt Hoàng

- Con à, chỉ còn vài giờ nữa là đến giao thừa rồi. Con cầm chai rượu và hai cái ly ra sân vườn. Bố con mình ra đây nói chuyện và đón chào Năm Mới, năm 2008.

- Vâng ạ.

- Trong giờ phút chuyển mình thiêng liêng của đất trời bố con mình sẽ tâm sự về con người, về cuộc đời và về tổ quốc Việt Nam yêu dấu của chúng ta.

- Lúc nào con cũng sẵn sàng hầu chuyện bố để bố con mình hiểu nhau hơn, và qua đó tìm được sự đồng thuận giữa hai thế hệ, tuy rất gần về thời gian nhưng lại xa nhau về tư tưởng và quan niệm sống. Con cũng không cho rằng, tất cả những gì con nói đều đúng, những dịp tâm sự với bố cũng là dịp để con nhìn lại mình, mà bố cũng phải bớt bảo thủ, bớt cứng nhắc đi thì mới hiểu được những gì thuộc về thế hệ chúng con chứ...

- Được rồi, bố đồng ý ! Nhưng anh cũng bớt đi tính "nóng vội" của mình, cái gì cũng phải từ từ, chứ đừng một cái thay đổi 180 độ đâu có được. Anh cũng phải hiểu cho bố anh, cho Đảng...

- Con hiểu và thông cảm với bố, nhưng thời gian đâu có chờ đợi chúng ta ? Thế giới đâu có chờ đợi chúng ta ?

- Bố biết ! Càng già bố càng thấy thời gian trôi thật là nhanh và cuộc đời của mỗi người quá ư là ngắn ngủi. Chỉ có Mùa Xuân và Dân tộc là mãi mãi trường tồn. Thế hệ của bố sắp lùi vào dĩ vãng rồi. Thế kỷ 21 của kỷ nguyên "Toàn cầu hóa" xảy ra nhiều sự kiện nhanh và dồn dập quá, nó làm thay đổi hẳn nhận thức và nhiều giá trị đã từng được tôn vinh, hy vọng...

- Lịch sử là sự thay đổi và tiến hóa không ngừng mà bố. Nếu không thế mới là lạ, là bất hợp lý. Mỗi giai đoạn lịch sử sẽ có những giá trị và hành động phù hợp với giai đoạn đấy. Lịch sử đã đi qua thì nhận thức và hành động cũng phải thay đổi, có thể nó mới phù hợp với qui luật của sự phát triển.

- Anh nói cụ thể xem nào !

- Ý con là những việc mà bố và Đảng đã làm được trong quá khứ, ví dụ việc lãnh đạo nhân dân ta đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập cho dân tộc là đúng đắn và phù hợp với lịch sử. Thế nhưng giờ đây thế giới đã không còn sự đối đầu giữa hai phe tư bản và cộng sản nữa, chủ nghĩa cộng sản đã thật sự cáo chung trên toàn thế giới, tất cả các nước đều tập trung phát triển kinh tế để mang lại một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân... Trong khi đó Đảng ta vẫn cứ cố chấp và mù quáng đi theo con đường "xã hội chủ nghĩa", vẫn không chịu công nhận các "giá trị" phổ cập đã được cả cộng đồng thế giới thừa nhận và tôn vinh như dân chủ, nhân quyền... Như vậy là trái với qui luật phát triển, là chống lại lịch sử và chống lại cả nhân dân nữa đấy bố ạ !

- Anh cứ thử đứng trên quan điểm và quyền lợi của Đảng, của bố xem anh có làm được gì không ?

- Thì Đảng vẫn nói rằng Đảng là "của dân, do dân và vì

dân" kia mà !

- Nói là một chuyện, thực tế là một chuyện. Đảng đã khó khăn lắm mới cướp được chính quyền từ tay thực dân Pháp, thế mà giờ đây phải nhường cho kẻ khác thì làm sao mà Đảng chịu được ?

- Bố hiểu sai vấn đề rồi. Thứ nhất : Đất nước là của chung chứ có phải của riêng ai đâu ? Không có sự ủng hộ và tham gia của nhân dân xem Đảng có giành được chính quyền hay không ? Thứ hai : Có ai đòi tiêu diệt hay loại bỏ đảng cộng sản đâu ? Những người dân chủ thật sự chỉ đòi hỏi đảng cộng sản chấp nhận một luật chơi dân chủ và lành mạnh, đó là chấp nhận đa đảng và bầu cử tự do. Hãy để người dân lựa chọn cho mình những người có khả năng đứng ra quản lý và lãnh đạo đất nước, nếu đảng cộng sản có đường lối phù hợp và thuyết phục được dân chúng thì Đảng lại tiếp tục cầm quyền chứ có sao đâu ? Thứ ba : Một chính quyền chỉ "danh chính, ngôn thuận" khi được dân chúng lựa chọn thông qua một cuộc bầu cử tự do và công bằng, cai trị bằng bạo lực và sự lừa dối không thể tồn tại lâu được. Thứ tư : Những người (hoặc đảng phái khác) được người dân bầu lên vẫn sẽ là người Việt Nam chứ có phải người nước ngoài đâu mà "mất nước" ?

- Thì làm gì có ai, có tổ chức nào hơn được Đảng đâu ?

- Nếu Đảng có được sự tự tin đó sao không chấp nhận đa đảng và đối lập ?

- Đa đảng là loạn ngay con à !

- Một người hiểu biết như bố sao lại có thể nói như vậy được ? Đa đảng và đối lập là đấu tranh bằng con đường nghị trường, bằng sự thuyết phục dân chúng, bằng lá phiếu tín nhiệm của người dân, như vậy làm gì mà "loạn" được. Cả thế giới họ đều đa đảng thì cũng loạn cả hay sao ?

- Không được đâu con ạ ! Bố nghĩ cái này sẽ không được Đảng mình chấp nhận đâu.

- Con hiểu. Không ai đang "ăn trên ngồi trốc" trên đầu trên cổ thiên hạ mà lại chịu chia sẻ quyền lực và quyền lợi cả. Quyền lực khiến con người, nhiều lúc, trở nên tối tăm và mù lòa. Nhưng con khẳng định với bố là không thể mãi mãi như thế này được !

- Vậy thì anh muốn thế nào ?

- Nếu có một ước nguyện đầu Xuân, đầu Năm Mới hay gọi một cách trịnh trọng là "thông điệp" gửi đến đảng cộng sản và tất cả mọi người Việt Nam thì con xin nói rằng đó là "Thông điệp Thay Đổi".

- Bố đồng ý hoàn toàn với anh là "phải thay đổi" nhưng thay đổi như thế nào mới là chuyện khó ! Anh là sinh viên, là giới trẻ anh thử đưa ra một "mô hình" của sự thay đổi xem nó có thể "thực thi" được không nào ? Điều kiện dứt khoát và duy nhất của bố là "phải đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng" !

- Bố đưa ra điều kiện ràng buộc như vậy thì làm gì có cách nào "cởi trói để Việt Nam bay lên" được ? Bố thấy có nước

độc tài nào mà kinh tế phát triển mạnh mẽ và các quyền con người được tôn trọng không ?

- Đây là lập trường nhất quán, trước sau như một của Đảng ta ! Nếu anh không đồng tình thì cuộc nói chuyện giữa bố con mình sẽ kết thúc ở đây !

- Bố vẫn cứ cố chấp như vậy thì làm sao mà bố con mình tiếp tục "đối thoại" được ? Nhưng thôi, con sẽ đưa ra ý kiến của mình, thế nhưng có một thái độ mà con phải nói ngay là bố và Đảng phải thay đổi lập tức đó là "lập trường ta-dịch". Phải bỏ ngay lối qui chụp, cứ không ưa ai là chụp cho cái mũ là "thế lực thù địch" này nọ, nghe rất chói. Kẻ thù của ta là Nhật, Pháp, Mỹ, Trung Quốc thì ta đều "bình thường hóa", bắt tay và bang giao với họ được trong khi đó lại coi những người Việt (khác chính kiến) như là kẻ thù. Chiến tranh đã đi qua lâu rồi, vết thương lòng rất lớn, những bất bình của những người bên kia chiến tuyến (Việt Nam Cộng Hòa) là có thật và cần được thông cảm, chia sẻ. Hãy xem đó là "bất đồng chính kiến" chứ không nên qui chụp là "phản động" hay "chống đối" này nọ.

- Họ chống đối ra mặt đấy còn gì ?

- Dùng lời nói để tuyên truyền, để nói lên quan điểm, hay thậm chí là chửi bới chính quyền... cũng không bao giờ được xem là chống đối. Làm gì có nhà nước nào thỏa mãn tất cả nguyện vọng của tất cả các tầng lớp dân chúng, kể cả các nước văn minh và dân chủ nhất ? Khi các tổ chức, các cá nhân thành lập các đơn vị vũ trang và dùng bạo lực để lật đổ chính phủ thì khi đó mới kết tội "chống phá" chính quyền được.

- Đảng ta là đảng cầm quyền độc nhất, bao nhiêu năm nay nghe khen, nghe nịnh hót quen rồi giờ nghe những lời chỉ trích thấy rất khó chịu con à !

- Đã là người làm chính trị, là người của công chúng thì phải chấp nhận điều đó chứ bố ? Bố không thấy là các diễn viên, ca sĩ, những ngôi sao luôn bị soi mói chỉ trích, nhiều khi rất độc địa và ác ý mà cũng "phải chịu" đấy à ?

- Thôi được rồi, bố sẽ cố gắng "làm quen" dần dần. Con có ý tưởng gì thử nói ra nghe xem ?

- Điều đầu tiên phải làm đó là tách Đảng ra khỏi chính quyền. Hiện nay Việt Nam ta có cảnh "một cổ hai tròng", chính quyền có cơ quan, đoàn thể nào thì Đảng cũng có chừng ấy cơ quan và đoàn thể. Đây là một sự lãnh đạo "song trùng" rất tai hại, chúng ta có hai chính quyền một lúc. Điều này dẫn đến sự lãng phí ngân sách rất lớn và khi có "hai chính quyền" thì sẽ dẫn đến sự chống chọi, lấn sân nhau, phá hoại lẫn nhau vì quyền lợi riêng. Bố xem bộ phim "Luật đời" rồi đấy, nó phản ánh rất trung thực mối quan hệ đối chọi giữa Đảng và chính quyền. Chúng ta phải thay đổi Hiến pháp, trong đó qui định rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ của Đảng, hay nói một cách khác là "luật hóa sự lãnh đạo của Đảng", không được đưa các sinh hoạt chính trị của Đảng vào các cơ quan, công sở, cũng như trong xã hội. Bãi bỏ các chức danh về Đảng, bãi bỏ các "nghị quyết" của Đảng...

- Ô, cái anh này. Thế thì vai trò lãnh đạo của Đảng nằm ở đâu ?

- Bố bình tĩnh nghe con trình bày cái đã. Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng thì chúng ta sẽ chia quốc hội thành Hạ nghị viện và Thượng nghị viện. Hạ nghị viện sẽ là các nghị sĩ của dân bầu, các nghị sĩ ở Hạ nghị viện không nhất thiết phải là đảng viên đảng cộng sản mà là dành cho tất cả mọi đại biểu của mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Thượng nghị viện sẽ là 100% đảng viên của đảng cộng sản, khoảng 100 người là vừa. Thượng nghị viện sẽ có quyền thông qua hay phủ quyết các dự luật mà Hạ nghị viện trình lên. Các bộ luật chỉ có hiệu lực khi được cả hai Viện phê chuẩn và thông qua. Điều hành xã hội là việc của chính phủ, Đảng không được can thiệp vào. Như vậy Đảng vẫn có quyền "sinh sát" trong tay và "may ra" xã hội sẽ được cải tiến để phát triển. Pháp luật phải được tôn trọng và thực thi, mọi người phải sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Tòa án phải được độc lập trong việc xét xử, các nghị sĩ của Thượng viện (có thể) có quyền bất khả xâm phạm...

- Cũng là một ý tưởng hay. Nhưng hay nhất là không thay đổi gì cả. "Vũ như cũ" là tốt nhất.

- Bố lại "cùn" rồi. Không thay đổi là không thể được đâu bố ạ. Việt Nam đã mở cửa và hội nhập

với thế giới rồi, phải tôn trọng luật chơi của thế giới chứ ! Nếu không chúng ta sẽ thành nô lệ, sẽ mất nước, mất chủ quyền về tay nước ngoài mà vũ khí của họ là những đồng đô-la đầy cám dỗ. Mãi mãi Việt Nam sẽ là công xưởng gia công rẻ tiền của thế giới, họ sẽ vắt kiệt tài nguyên và sức lực của nhân dân ta với đồng lương rẻ mạt, người Việt sẽ mãi mãi nghèo hèn, không thể ngừng đầu lên được...

- Anh lo xa quá đi đấy. Đã có Đảng rồi, phải tin tưởng vào Đảng chứ...

- Nếu Đảng mà làm được thì con đã không lên tiếng ! Nếu Việt Nam mà hùng mạnh như Nhật, Hàn Quốc thì không cần ai thuyết phục, tự con sẽ mang ơn Đảng đời đời...

- Này, bố hỏi thật anh nhé ! Tại sao anh lại quan tâm đến chuyện chính trị thế ? Trường kinh tế anh đang học rất có giá, tốt nghiệp xong anh sẽ dễ dàng xin được việc làm với lương cao, anh sẽ lấy vợ sinh con, anh sẽ có một cuộc sống bình thường như bao nhiêu người khác. Anh tham gia viết báo, vào các diễn đàn cổ vũ cho dân chủ là "chống" lại Đảng và như vậy, tương lai anh sẽ mù mịt, anh không thấy thế sao ?

- Thưa bố, con không chống lại ai cả, con chỉ chống lại những cái sai, cái lạc hậu đang kìm hãm sự phát triển của xã hội. Và cũng chính vì quan tâm, lo lắng cho tương lai của con và của các con con sau này nên con phải lên tiếng. Các giải pháp cá nhân và sự luồn lách sẽ không mang lại một kết quả tốt đẹp cho bất cứ ai. Câu nói nổi tiếng này không phải con nghĩ ra mà là của ông Nguyễn Gia Kiểng, một nhà hoạt động chính trị hàng đầu của người Việt tại hải ngoại. Mà dù con có giỏi làm kinh tế đến đâu cũng chỉ lo được cho gia đình nhỏ của con thôi chứ lo cho người khác sao được ? Bà con nội ngoại mình ở quê vẫn cơ cực, mỗi lần về quê bố cho họ vài trăm nghìn đồng đâu có giải quyết được gì ? Nghèo vẫn hoàn nghèo ! Con rất thương mọi người và con muốn họ được đổi đời !





- Đúng là như vậy thật, nhưng biết làm thế nào được...  
- Bố thấy đấy, đời người rất ngắn ngủi nên con cố gắng sống làm sao cho khỏi vô ích, cho khỏi hổ thẹn với tổ tiên, với nòi giống, với cả... bố nữa !

- Anh tham vọng quá đấy !

- Nhiều lúc con cũng tự hỏi, có phải mình tham vọng quá không ? Cuộc sống của con khá đầy đủ, bao nhiêu người khác mong muốn mà không được. Con cần "lên tiếng" làm gì cho mệt ? Chuyện "chính trị, chính em" đã có người khác lo ? Bố có biết ai đã giúp con vượt qua những suy nghĩ hẹp hòi đó không ?

- Ai vậy ? Ai đã làm cho anh thay đổi nhiều như vậy ?

- Có nhiều người bố ạ. Họ là những người đã và đang hoạt động, đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam. Nhưng có một người rất nổi tiếng trong nước mà con muốn nói đến đó là ông Nguyễn Trần Bạt, bố có biết là ai không ?

- Ông ta là một doanh nhân thành đạt.

- Đúng, nhưng không chỉ có thế. Ông Nguyễn Trần Bạt còn là một học giả uyên bác, một nhà nghiên cứu con người rất sâu sắc, chính ông ta đã giúp con giải tỏa nhiều điều chưa hiểu trong cuộc sống. Việt Nam ngày nay là một xã hội mà lý thuyết trên sách vở rất khác xa với những gì đang xảy ra trong cuộc sống. Ông Nguyễn Trần Bạt là người đã mang lý thuyết lại gần với cuộc sống để chúng hòa làm một với nhau, ông "giải thích" cuộc sống dưới con mắt khoa học và thực tiễn, đây là một cố gắng rất phi thường và người đời sẽ nhớ đến ông trong nỗ lực lớn lao này...

- Anh hãy nói cụ thể trong trường hợp của anh đi nào ?

- Trong một bài báo mới đây trên báo *Tiến Phong*, khi được hỏi quan niệm của ông về tiền bạc và cuộc sống ông đã nói rằng : Cuộc đời của mỗi con người có nhiều việc phải làm, nhưng có ba việc cần phấn đấu cho được đó là "giải phóng mình khỏi sự nghèo khổ", "giải phóng mình khỏi sự ngu dốt" và "giải phóng mình khỏi sự tầm thường". Con đã làm được hai việc đầu rồi và đang cố gắng làm được việc cuối cùng đó là "giải phóng mình khỏi sự tầm thường". Con tin là bố hiểu con và ủng hộ con. Có gì trên đời này chán chường và nhạt nhẽo bằng sự vô vị, sự tầm thường phải không bố ? Và con tin rằng hạnh phúc nhất của con người là mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác, cho nhân dân mình, cho đất nước mình, cho tổ quốc mình, phải không bố ? Nhân dân sẽ nhận ra ai là người "vì dân, vì nước" và họ sẽ ghi nhận điều đó, đúng không bố ?

- Ủ...

- Bố làm sao thế ? Sao mặt bố tái đi thế ?

- Bố không sao !

- Kia bố, giao thừa đến rồi đó ! Bố có nghe tiếng pháo hoa nổ không ? Nào bố con mình nâng cốc chúc mừng Năm Mới, chúc mừng cho những gì tốt đẹp nhất sẽ đến với tất cả chúng ta, với non sông Việt Nam gấm vóc.

- Bố chúc mừng con Năm Mới, bố tin rằng thế hệ chúng con sẽ đi xa hơn nữa...

- Chúc mừng bố Năm Mới. Chúc bố sức khỏe ! Chúc gia đình mình luôn hạnh phúc và sum vầy.

**Việt Hoàng (Moskva)**

**Yu tòa khâm sứ công giáo tại Hà Nội**

## **Cần một giải pháp toàn bộ**

*Nguyễn Huy Đức*

Sau hơn một tháng liên tục đấu tranh ôn hòa, người công giáo và Giáo hội Công Giáo Việt Nam đã giành được thắng lợi. Theo một nguồn tin có thẩm quyền chính quyền cộng sản Việt Nam đã chấp nhận trả lại tòa Khâm Sứ cho Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Sự nhượng bộ này chưa được công bố toàn bộ bởi vì chính quyền Hà Nội không muốn tỏ ra yếu kém, nhưng là một sự thực, như thư sau đây của giám mục Ngô Quang Kiệt chứng tỏ, qua những cụm từ "công việc đã có kết quả", "giải pháp tốt đẹp", và "kết quả cuối cùng sẽ tốt đẹp như lòng chúng ta mong muốn". Trong những trao đổi riêng nhiều linh mục không ngần ngại quả quyết đã có thỏa thuận.

Hiện nay tượng Đức Mẹ và các lễ, bạt của giáo dân công giáo trong khuôn viên tòa khâm sứ đã được tháo gỡ, giáo dân cũng không còn tập trung tại đây nữa; ngược lại chính quyền cộng sản cũng đã chấm dứt những công tác xây cất mà họ dự định và đã bắt đầu trên khu đất này và đã đóng cửa quán phở được mở ngay ở tòa khâm sứ.

Thắng lợi, dù chưa được công bố toàn diện một cách chính thức, của Giáo Hội Công Giáo cũng cho phép những người theo dõi rút ra một số nhận định.

Trước hết những người công giáo đã giành được thắng lợi vì đã đấu tranh ôn hòa, đúng đắn và có tổ chức, có lãnh đạo. Trong suốt một tháng rưỡi họ đã không hô "dã đảo cộng sản !" hay bất cứ một khẩu hiệu thách thức nào, họ đã hoàn toàn không có một hành động hay cử chỉ khiêu khích nào. Họ đã chỉ cầu nguyện. Trong hoàn cảnh ấy nếu chính quyền cộng sản dùng bạo lực để giải tán tiếng ác sẽ hoàn toàn về phía họ và sẽ bị cả thế giới lên án. Chống lại sự thô bạo, đường lối bất bạo động là đúng nhưng chưa đủ, còn phải dành tất cả sự ôn hòa về mình, không cho bạo quyền bất cứ một lý cơ nào. Đó là điều mà người công giáo và giáo hội công giáo đã hiểu. Chính quyền cộng sản không phải là không muốn đàn áp, họ đã chuẩn bị đàn áp, Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội đã gửi tối hậu thư cho Hội Đồng Giám Mục và Tổng Giám Mục Hà Nội bắt phải chấm dứt những cuộc biểu tình của giáo dân trước tòa khâm sứ nếu không chính quyền sẽ có biện pháp mạnh. Những biện pháp mạnh này cuối cùng đã không xảy ra và chính quyền cộng sản đã phải nhượng bộ vì Giáo Hội Công Giáo đã biết phối hợp quyết tâm với sự khôn ngoan.

Người công giáo đã đấu tranh có kỷ luật và có lãnh đạo. Trong suốt một tháng rưỡi gay go họ đã đoàn kết chung quanh Hội Đồng Giám Mục và Tòa Tổng Giám Mục Hà Nội, trong suốt cuộc tranh đấu không lúc nào người công giáo tỏ ra có bất đồng ý kiến nội bộ mặc dù dĩ nhiên là trong cuộc tranh đấu khó khăn này chắc chắn đã có nhiều thảo luận trong Giáo Hội Công Giáo. Người ta vừa có thêm một dịp để kiểm chứng điều mà các nghiên cứu về đấu tranh chính trị và xã hội luôn luôn khẳng định : một

cuộc vận động quần chúng chỉ thành công nếu có một tổ chức lãnh đạo, và tổ chức này phải vừa đủ mạnh vừa rất gần bó.

Người công giáo đã thắng lợi mặc dù họ không có thế mạnh và thực ra cũng không có sự chính danh hoàn toàn trong cuộc đấu tranh khó khăn đòi lại tòa khâm sứ này. Đây là một cuộc đấu tranh vì quyền lợi, dù là quyền lợi chính đáng, chứ không nằm trong tinh thần đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. Tòa khâm sứ không phải là nơi thờ phượng, việc chiếm đoạt tòa khâm sứ cũng là một việc đã xảy ra hơn nửa thế kỷ rồi, nó gần như đã trở thành một vấn đề thuộc về lịch sử, chứ không phải là một biện pháp chèn ép mới có của chính quyền cộng sản. Hơn nữa tòa khâm sứ với khu đất rộng rãi ngay giữa thành phố Hà Nội lại là một bất động sản có trị giá rất lớn. Dù vậy người công giáo đã thắng lợi vì họ biết tranh đấu. Đặc biệt là Hội Đồng Giám Mục đã tỏ ra rất có bản lĩnh chính trị. Họ có những con người cần có cho mọi nhu cầu tranh đấu. Ngoài những giáo dân quyết tâm nhưng rất kỷ luật, họ có giám mục Hà Nội Ngô Quang Kiệt kiên trì và dũng cảm, họ cũng có giám mục Nguyễn Văn Sang gần gũi với chính quyền cộng sản để làm trung gian, và nhất là không làm mất mặt chính quyền cộng sản. Ông Nguyễn Văn Sang, giám mục Thái Bình, đã từ lâu bị mả mai như một giám mục quốc doanh quy lụy trước chính quyền, nhưng ông trước hết là người của giáo hội và khi cần ông đã có vai trò then chốt trong cuộc đấu tranh thành công này.

Chính quyền cộng sản lần đầu tiên đã nhượng bộ trước một đòi hỏi chính đáng thay vì đàn áp. Thiện chí này phải được ghi nhận như tiến bộ trong cách đối xử với xã hội dân sự cho dù có những lý do đặc biệt của nó - không muốn xung đột với thế lực của tòa thánh Vatican, khó đàn áp một Giáo Hội Công Giáo có tổ chức và kỷ luật, v.v. Tuy vậy cách xử lý tòa khâm sứ cũng đã mở ra một tiền lệ. Hà Nội vừa đưa ngón tay vào khớp răng. Đã đồng ý trả tòa khâm sứ cho giáo hội công giáo thì phải giải quyết thế nào trường hợp của vô số những tài sản khác mà chính quyền mới tịch thu gần đây của giáo hội này, những chùa của Phật giáo, hàng triệu trường hợp dân oan bị chiếm đoạt nhà đất? Không thể giải quyết một trường hợp trong khi từ chối giải quyết những trường hợp còn hiển nhiên hơn nhiều.

Mọi người đều biết là đảng cộng sản không sợ mâu thuẫn, họ luôn luôn hành xử một cách tùy tiện bất chấp mọi nguyên tắc, nhưng vấn đề là họ không còn khả năng để tiếp tục hành xử một cách tùy tiện và thách đố như trước nữa. Xã hội Việt Nam tuy chưa tự cởi trói được nhưng cũng đã đủ mạnh để không phải chấp nhận bất cứ mức độ tùy tiện nào. Sau vụ tòa khâm sứ chính quyền cộng sản sẽ còn phải làm nhiều nhượng bộ khác và mỗi nhượng bộ sẽ chỉ khuyến khích những đòi hỏi chính đáng khác.

Nhưng chính quyền cộng sản sẽ không thể giải quyết từng trường hợp cho tất cả mọi trường hợp, vì lý do dễ hiểu là đã có quá nhiều chiếm đoạt và hà hiếp trong hơn một nửa thế kỷ qua.

Tranh chấp đất đai đã đạt đến một mức độ rất quan trọng và rất nghiêm trọng, nhưng nó chỉ là một vấn đề

trong nhiều vấn đề nghiêm trọng khác và sẽ chỉ có thể giải quyết được trong một giải pháp toàn bộ cho đất nước. Sẽ không thể có giải pháp làm thỏa mãn hoàn toàn mọi người. Mỗi người Việt Nam sẽ phải chia sẻ một phần của gánh nặng di sản cộng sản và sẽ phải chấp nhận một phần thiệt thòi và bất công. Họ chỉ có thể chấp nhận những thiệt thòi - vật chất cũng như tinh thần - này trong một khuôn khổ một giải pháp hòa giải dân tộc để chấm dứt với quá khứ, như là một cái giá phải trả cho dân chủ.

**Nguyễn Huy Đức (Paris)**

## THƯ CỦA TÒA TỔNG GIÁM MỤC HÀ NỘI

Kính gửi : Các linh mục, tu sĩ, chủng sinh và anh chị em giáo dân Tổng giáo phận Hà Nội

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2008

Anh chị em thân mến,

Hơn bốn mươi ngày qua chúng ta đã sống một lễ Hiện Xuống mới. Mọi người đồng tâm nhất trí với nhau, chuyên tâm cầu nguyện và hăng hái rao giảng Tin mừng hòa bình, bất chấp những khó khăn gian khổ, tạo nên một bầu khí hiệp thông rộng lớn không chỉ trong tổng giáo phận mà còn khắp nơi trên thế giới. Chưa bao giờ lòng yêu mến Chúa, yêu mến Giáo hội dâng cao như thế. Chưa bao giờ tình cảm gần bó giữa chủ chăn và đoàn chiên chặt chẽ đến thế. Chưa bao giờ tình bác ái huynh đệ chan hòa nồng nàn đến thế. Chưa bao giờ lời cầu nguyện chung cho lợi ích của Giáo hội tha thiết đến thế. Thật là một hồng ân lớn lao Chúa ban cho chúng ta. Tôi không ngừng tạ ơn Chúa và cảm ơn anh chị em về hồng ân cao quý này.

Nhờ lời cầu nguyện tha thiết của anh chị em, công việc đã có kết quả. Sau những căng thẳng, đã có đối thoại giữa Tòa Tổng Giám mục và Hội đồng Giám mục Việt Nam với các vị lãnh đạo cao cấp của Nhà Nước để đi đến một giải pháp tốt đẹp. Giải pháp này sẽ thực hiện qua những bước cụ thể trong tôn trọng lẫn nhau theo ý kiến của Phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh. Bước đầu tiên vừa hoàn thành đó là dịch vụ kinh doanh đóng cửa quán phở, giáo dân tháo gỡ lều bạt và cung nghinh thánh giá về. Bước đầu tiên này cũng phù hợp vì hiện nay trời rất lạnh và anh chị em phải chuẩn bị đón Tết. Tôi không đành lòng nhìn thấy anh chị em phải lạnh giá giữa trời mùa đông rét mướt.

Tuy không thường trực ở bên cạnh Đức Mẹ, nhưng xin anh chị em hãy giữ vững tinh thần cầu nguyện. Hãy cầu nguyện liên li. Hãy cầu nguyện kiên trì. Hãy cầu nguyện tha thiết. Và hãy tin rằng tôi luôn ở bên anh chị em và mọi người ở mọi nơi cũng luôn ở bên chúng ta. Qua bức thư hiệp thông của Phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, anh chị em cũng biết rằng Đức Thánh Cha Bênêđictô và Tòa Thánh luôn ở bên chúng ta. Và kết quả cuối cùng sẽ tốt đẹp như lòng chúng ta mong ước.

Tôi nhiệt liệt ca ngợi sự can đảm trước mọi gian khó, tinh thần cầu nguyện sâu xa, tinh thần bác ái hòa bình và đức tin mãnh liệt sống động của anh chị em. Nhân dịp Xuân Mậu Tý, xin chúc anh chị em hưởng một mùa xuân tràn đầy ơn thánh Chúa, tràn đầy niềm bình an và niềm tin tưởng Chúa ban cho chúng ta những điều chúng ta đang tha thiết cầu xin.

Thân ái chào anh chị em,

*Giuse Ngô Quang Kiệt*  
Tổng giám mục Hà Nội

# Hoàng Minh Chính : một người yêu nước , nhiệt thành và dũng cảm

Ông Hoàng Minh Chính, người đấu tranh cho dân chủ được biết đến nhiều nhất trong nước, đã từ trần tại Hà Nội ngày 7-2-2008, đúng vào ngày mồng Một Tết năm Mậu Tý, sau gần ba năm chống trả với bệnh ung thư tiền liệt tuyến, hưởng thọ 85 tuổi.

Tất cả những người dân chủ trong và ngoài nước đều đồng loạt ngổ lời thương tiếc và tôn vinh một chiến sĩ dân chủ kiên cường.

Ông Hoàng Minh Chính tên thật là Trần Ngọc Nghiêm, sinh ngày 16-11-1922 tại Nam Hà, theo lý lịch chính thức. Nhiều người quen biết ông lại cho biết là thực ra ông sinh năm 1920, giả thuyết này có thể hợp lý vì ông tham gia phong trào cộng sản từ 1937, và được kết nạp vào đảng cộng sản năm 1939. Như vậy, nếu sinh năm 1922 thì lúc vào đảng cộng sản ông mới có 17 tuổi.

Ông Hoàng Minh Chính đã bị chính quyền thuộc địa Pháp bắt giam từ 1941 và chỉ tìm lại được tự do (cùng với ông Lê Đức Thọ) khi quân đội Nhật đảo chính lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp ngày 9-3-1945. Trong bốn năm bị giam cầm tại Sơn La cùng với Lê Đức Thọ, ông đã quen thân với nhân vật này và có lẽ đó chính là nguyên nhân của những nỗi oan nghiệt của ông sau này.

Ra khỏi nhà tù của Pháp, Hoàng Minh Chính hoạt động tích cực cho đảng cộng sản, lập nhiều công trạng và được thăng tiến nhanh chóng. Thành tích ngoạn mục nhất của ông là đã chỉ huy một toán đặc công đột nhập đánh phá phi trường Gia Lâm năm 1954, gây chấn động trong dư luận. Sau khi rời quân đội, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như thứ trưởng giáo dục, phó giám đốc trường đảng Nguyễn Ái Quốc, viện trưởng Viện Triết Học Mác-Lênin. Ông đã du học Liên Xô năm 1957.

Gian lao của Hoàng Minh Chính đã bắt đầu từ năm 1963 khi ông chống lại chủ trương ngả theo Trung Quốc của phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ. Lúc đó ông Hồ Chí Minh cũng không tán thành khuynh hướng thân Trung Quốc nhưng đã mất quyền lực về tay Duẩn-Thọ và không bảo vệ được những người như ông. Sau gần ba năm tranh luận, năm 1966 ông bị Lê Đức Thọ cách chức chủ tịch Viện Triết Học Mác-Lênin, khai trừ khỏi đảng cộng sản và bắt giam trong vòng 5 năm. Biết Hoàng Minh Chính là người cương trực và can đảm, Lê Đức Thọ đã ra lệnh hành hạ ông rất dã man. Tuy vậy Hoàng Minh Chính không bị bẻ gãy. Năm 1981, ông gửi một kiến nghị lên quốc hội tố giác những sai lầm của Lê Đức Thọ và bị tù 6 năm một lần nữa, rồi bị quản chế đến năm 1990.

Năm 1995, Hoàng Minh Chính lại bị giải tòa và bị phạt tù một năm. Từ đó ông trở thành con chim đầu đàn của phong trào dân chủ trong nước cùng với tướng Trần Độ. Ông trở thành người lãnh đạo phong trào dân chủ trong nước có uy tín nhất sau khi tướng Trần Độ qua đời năm 2001. Trong năm này ông đã là người vận động tích cực nhất trong việc thành lập Hội Chống Tham Nhũng và Nhóm Dân Chủ với hai ông

Phạm Quế Dương và Trần Khuê làm phát ngôn viên.

Từ năm 2005, Hoàng Minh Chính bị phát giác mắc bệnh ung thư tiền liệt tuyến và cũng bắt đầu một giai đoạn hoạt động gây nhiều tranh cãi. Mùa hè năm 2005, ông đơn phương quyết định cử ông Trần Khuê làm đại diện cho toàn bộ phong trào dân chủ Việt Nam. Quyết định này, do ông Trần Khuê công bố còn ông Hoàng Minh Chính không xác nhận cũng không cải chính, đã bị một số khá đông những người dân chủ trong và ngoài nước phê phán. Cũng trong thời gian này, ông bắt đầu mâu thuẫn rõ rệt với Nguyễn Thanh Giang, một gương mặt dân chủ lớn trong nước, với hậu quả là những người ủng hộ ông, như nhà văn Hoàng Tiến và nhà văn Dương Thu Hương viết bài đả kích nặng nề Nguyễn Thanh Giang. Ngược lại, Nguyễn Thanh Giang cũng phê phán gay gắt Hoàng Minh Chính.



Tháng 9-2005, Hoàng Minh Chính được Đảng Nhân Dân Hành Động đưa sang Mỹ chữa bệnh và, dưới sự thôi thúc của đảng này, tuyên bố thành lập Phong Trào Dân Chủ Việt Nam Thống Nhất với hai ông Trần Khuê và Nguyễn Xuân Ngãi làm phụ tá. Sáng kiến này không được hưởng ứng, phong trào này được đổi tên thành Phong Trào Dân Chủ Việt Nam, khiêm tốn hơn nhưng không thành công hơn.

Ông Hoàng Minh Chính sau đó tuyên bố "phục hoạt" đảng Dân Chủ, một đảng ngoại vi của đảng cộng sản hoàn toàn không có thực chất mà ông từng được đảng cộng sản đặt để vào chức vụ tổng thư ký. Trước một số lập luận phê phán, đảng này được đổi tên thành Đảng Dân Chủ 21. Gần đây danh xưng "Đảng Dân Chủ Việt Nam" là sự thống nhất của Đảng Nhân Dân Hành Động, Đảng Dân Chủ 21, Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ và Phong Trào Dân Chủ Việt Nam. Giả thuyết này càng ngày càng tỏ ra là có cơ sở dù không có tuyên bố chính thức nào. Trên thực tế từ lâu đã khó phân biệt các tổ chức này. Riêng Đảng Dân Chủ 21 và Phong Trào Dân Chủ Việt Nam thì chỉ là hai tên gọi của cùng một tổ chức.

Vài tháng trước khi từ trần, ông Hoàng Minh Chính đã ký quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Tâm làm phụ tá tổng thư ký Đảng Dân Chủ 21, với quyền hạn thay thế ông. Trên thực tế, đây gần như là một chức thư bổ nhiệm ông Nguyễn Tâm làm người thay thế. Không ai biết ông Nguyễn Tâm là ai. Do tình trạng sức khỏe suy yếu và thường xuyên phải vào phòng cấp cứu, ông Hoàng Minh Chính không thể thực sự có một hoạt động nào cả.

Người ta có thể có những lý do để không đồng ý với một số việc ông Hoàng Minh Chính đã làm, hay với những việc làm nhân danh ông gần đây, nhưng không ai có thể không kính trọng lòng yêu nước, sự nhiệt thành và sự dũng cảm của ông.

Hoàng Minh Chính đã là một người yêu nước, nhiệt thành và dũng cảm. Và ông sẽ được nhớ đến như thế.

**Lê Mạnh Tường**

## HOÀNG SA - TÂY SA

*Tôn Thất Thiện*

Những ai nghiên cứu hay luận bàn về Hoàng Sa - Tây Sa thì nên ghi nhận một vài dữ kiện sau đây. Đây là những dữ kiện chứng minh hết sức rõ ràng về mặt pháp lý và hành chánh thực sự, Hoàng Sa và Tây Sa thuộc về Việt Nam từ thế kỷ 17, ngay dưới thời các chúa Nguyễn.

Trong "*Việt Sử, Xứ Đàng Trong, 1558-777*", quyển hạ, (nhà xuất bản Xuân Thu, Houston, Texas, 1976), giáo sư Phan Khoang viết : "*Ngoài hải phận phủ Quảng Ngãi, huyện Bình Nhơn, xã An vinh, về phía đông-bắc, có hơn 130 bãi cát vàng cách nhau một ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy nghìn dặm, tục gọi là "Vạn lý trường sa". Trên bãi có giếng nước ngọt, sản vật có hải sâm, đồi mồi, vich, ba-ba, ốc xa cừ, ốc hoá, v.v. Tàu thuyền ngoại quốc gặp bão thường đến đậu ở đó. Các chúa Nguyễn lấy dân ở xã An Vinh 70 người, đặt một đoàn gọi là đội Hoàng Sa, mỗi năm cứ tháng 3 thì đi thuyền ra đảo, 3 ngày 3 đêm thì đến, lấy sản vật và hóa vật tàu thuyền bị đắm, tháng 8 đem về vào cửa Eo, nạp ở Phú Xuân một phần, còn thì đem bán riêng. Lượm lấy được nhiều ít không chừng, như năm Nhâm Ngọ (1642) lượm được 30 hốt bạc, năm Giáp Thân (1644) được 5.100 cân thiếc, năm Ất Dậu (1645) được 125 hốt bạc, cũng có năm được bát sứ, súng..."* (trang 499).

Giáo sư Phan Khoan không ghi dữ kiện trên lấy ở tài liệu nào, nhưng có thể đoán được là từ "*Đại Nam Thực Lục*" như sẽ thấy ở đoạn dưới.

"*Đầu năm 1636 (thời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan), đã có một thương điếm Hà Lan được thiết lập ở Quinam (Quảng Nam), chắc là ở Faifo (Hội An), giao cho Abraham Duijcker làm quản lý. Trước đó, hai chiếc tàu Hà Lan, Warmont và Le Grol từ Nhật Bản đến Tourane (Đà Nẵng), Duijcker được viên quan ở Tourane, rồi quan trấn thủ Quảng Nam tiếp đãi tử tế, Duijcker cũng đến Thuận Hóa yết kiến chúa Thượng. Duijcker có việc kêu xin : chiếc tàu Hà tên Grootenbrook bị đắm ở Paracels (Hoàng Sa), đoàn thủy thủ được người Việt cứu thoát, nhưng số tiền 25.580 réaux thì bị lấy mất, vậy xin giao hoàn lại số ấy. Chúa sai trả lời rằng việc ấy xảy ra thời trấn thủ trước (nghĩa là trước 1636), đừng nhắc lại nữa..."* (trang 547-548). Trích trong *Dagh Register, 1637*, của Công Ty Đông Ấn Hà Lan.

"*Đại Nam Thực Lục*" của Quốc Sử Quán triều Nguyễn soạn (gồm 10 tập), do Nguyễn Ngọc Tỉnh biên dịch, Bộ quốc gia giáo dục Hà Nội tái xuất bản năm 2006), có ghi như sau về Hoàng Sa và Trường Sa :

"*Mùa hạ, tháng tư năm Tân Mão (1711, thời Minh Vương Nguyễn Phúc Chu)... (Chúa) sai đo bãi cát Trường Sa dài ngắn rộng hẹp bao nhiêu*" (Tập I, trang 126).

"*Giáp tuất, năm thứ 16 (1754, thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát)... Mùa thu tháng 7, dân đội Hoàng Sa ở Quảng Ngãi đi thuyền ra đảo Hoàng Sa, gặp gió dạt vào hải phận Quỳnh Châu nước Thanh (Trung Quốc). Tổng đốc Thanh hậu cấp cho rồi cho đưa về. Chúa sai viết thơ*

*cám ơn*" (Tập I, trang 164).

(Năm 1815) "*Gia Định gạo rẻ (một phượng gạo giá 5 tiền). (Vua Gia Long) sai đong chứa vào kho. Sai đội Hoàng Sa là bọn Phạm Quang Ánh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển*" (Tập I, trang 898).

(Năm 1835, thời vua Minh Mạng) "*Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh um, giữa cồn cát có giếng, phía tây-nam có miếu cổ, có tấm bài khắc bốn chữ "Vạn lý ba bình" (muôn dặm sóng êm), cồn Bạch Sa (cát trắng) chu vi 1.070 trượng, tên cũ là núi Phật Tự, bờ đông, tây, nam đều đá san hô thoai thoai uốn quanh mặt nước. Phía bắc, giáp với một cồn toàn đá san hô, sừng sừng nổi lên, chu vi 330 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát, gọi là Bàn Thanh Thạch). Năm ngoái vua sai cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính thợ Giám Thành cùng phu thuyền tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách tòa miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu bia đá, phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong, rồi về*" (Tập IV, trang 673).

(Năm 1836 thời vua Minh Mạng) "*Bộ Công tâu nói : "Cương giới mặt biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Trước kia, đã phái vẽ bản đồ mà hình thế nó xa rộng, mới chỉ được một nơi, cũng chưa rõ ràng. Hằng năm, nên phái người đi dò xét cho khắp để thuộc đường biển. Xin từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chọn phái biên binh đến Quảng Ngãi, bắt hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đứng xứ Hoàng Sa. Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển bốn bề xung quang nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ bến, đối thẳng vào là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, đối chiềnh chếch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem về, dâng trình.*

Vua y lời tâu. Sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng năm tấc, mặt bài khắc những chữ "Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, thủy quân chánh đội trưởng xuất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ" (Tập IV, trang 867).

(Năm 1836). "*Bính Thân, Minh Mệnh năm thứ 17, mùa đông, tháng 12. Thuyền buôn Anh Cát Lợi đi qua Hoàng Sa, mắc cạn, bị vỡ và đắm ; hơn 90 người đi thuyền tam bản đến bờ biển Bình Định.*

## Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam !

Nguyễn Nhã

Ngày 21-1-2008, lần đầu tiên Đài Loan đã cho máy bay quân sự C-130 Hercules hạ cánh xuống đường băng vừa xây xong trên đảo Ba Bình, thuộc quần đảo Trường Sa, xâm phạm trắng trợn lãnh thổ Việt Nam !

Trả lời báo chí quốc tế về sự kiện này, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, ông Lê Dũng, khẳng định : "Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa".

Vì sao Đài Loan chiếm đảo Ba Bình, lúc nào ? Tuổi Trẻ xin giới thiệu những tư liệu lịch sử của nhà sử học Nguyễn Nhã.

### Đài Loan thừa gió bẻ măng, chiếm đảo Ba Bình

Năm 1946, vào lúc chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đang bận đối phó với cuộc chiến tranh toàn diện sắp xảy ra thì hạm đội của Trung Hoa Dân Quốc gồm bốn chiến hạm xuất phát từ cảng Ngô Tùng tới đảo Hoàng Sa và đổ bộ lên đây ngày 29-11. Lúc này Trung Quốc còn gọi Hoàng Sa là Đoàn Sa, chưa phải mang tên Nam Sa.

Chính phủ Pháp chính thức phản đối sự chiếm đóng bất hợp pháp trên của Trung Hoa Dân Quốc và ngày 17-10-1947, thông báo hạm Tonkinois của Pháp được phái đến Hoàng Sa để yêu

cầu quân Trung Hoa Dân Quốc rút nhưng họ không rút. Pháp gửi một phân đội lính trong đó có cả quân lính "quốc gia Việt Nam" đến đóng một đồn ở đảo Pattle (Hoàng Sa).

#### Năm 1950, quân Tưởng rút khỏi Hoàng Sa và Trường Sa

Ngày 14-10-1950, chính phủ Pháp chính thức chuyển giao cho chính phủ Bảo Đại quyền quản lý các quần đảo Hoàng Sa. Thủ hiến Trung phần là Phan Văn Giáo đã chủ tọa việc chuyển giao quyền hành ở quần đảo Hoàng Sa.



Đảo Ba Bình bị Đài Loan chiếm giữ. Ở đây, họ xây dựng căn cứ quân sự. Ảnh Internet

Lợi dụng tình hình rối ren Nhật đầu hàng đồng minh, quân Tưởng Giới Thạch được giao phó giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc theo hiệp định Postdam đã lại chiếm giữ đảo Phú Lâm (Ile Boisée) cuối năm 1946 thuộc quần đảo Hoàng Sa và đảo Ba Bình (Itu Aba) thuộc quần đảo Trường Sa vào đầu năm 1947.

Đến năm 1950, khi quân Trung Hoa Dân Quốc đã rút khỏi Hoàng Sa và Trường Sa và hòa ước San Francisco buộc Nhật từ bỏ sự chiếm đóng hai quần đảo này, thì thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu của

chính phủ Bảo Đại đã tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Sau năm 1950, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không còn quân nước ngoài chiếm đóng ngoài lực lượng trú phòng Việt Nam của chính quyền Bảo Đại.

Hiệp định Genève ký kết năm 1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất của nước Việt Nam. Điều 1 qui định đường ranh tạm thời về quân sự được ấn định bởi sông Bến Hải (ở vĩ tuyến 17). Đường ranh tạm thời này

Vua được tin, dự tính thần lựa chọn nơi cho họ trú ngụ, hậu cấp cho tiền và gạo. Lại phái vệ thông ngôn đến dịch thăm hỏi, tuyên chỉ ban cấp. Bọn họ đều quỳ dài, khấu đầu không thôi. Sự cảm kích biểu lộ ra lời nói và nét mặt. Phái viên về tâu : "Họ, tính vốn kiệt nhiệt, kiêu ngạo, nay được đội ơn chấn tuất, bỗng cảm hoá, đổi mục tục man di. Thật đáng khen. Sai thưởng cho thuyền trưởng và đầu mục, mỗi người một áo đoạn vũ hàng màu, một quần vải tây và chân vải ; các người tùy tùng mỗi người một bộ áo quần bằng vải màu. Sắc phái viên sang Tây là Nguyễn Tri Phương và Vũ Văn Giai đưa họ sang bến Hạ Châu, cho về nước" (Tập IV, trang 1058).


Những chi tiết ghi trên cho thấy rằng từ đầu thế kỷ 17, năm 1636, thời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-

1680), qua thời các chúa và vua của triều Nguyễn, chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát (1739-1763), hoàng đế Gia Long (1802-1820) và Minh Mạng (1820-1840) các quần đảo Hoàng Sa và Tây Sa hoàn toàn thuộc về Việt Nam, và chủ quyền của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế : có dân ở và chiếm đóng thực sự (effective occupation), có cơ cấu hành chính thực sự (effective administration) và chủ quyền được các quốc gia khác công nhận và tôn trọng (jurisdiction recognized internationally).

Trong khi đó Trung Quốc hoàn toàn vắng mặt tại những nơi này. Sự kiện Trung Quốc đưa quân chiếm đóng các đảo đó là một cuộc xâm lăng bằng võ lực trắng trợn.

**Tôn Thất Thiện** (Ottawa)



 cũng được kéo dài ra trong hai phần bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi theo điều 4 của hiệp định. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở biển Đông ở dưới vĩ tuyến 17 sẽ đặt dưới sự quản lý hành chính của phía chính quyền quản lý miền Nam.

Như thế, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được đặt dưới sự quản lý hành chính của chính quyền Việt Nam cộng hòa, lúc ấy hai quần đảo này chưa có sự chiếm đóng của bất cứ quân đội nước nào ngoài quân đội Pháp.

### **Trung Quốc, Đài Loan cưỡng chiếm hai đảo lớn**

Ngày 1-6-1956, ngoại trưởng chính quyền Việt Nam Cộng Hòa Vũ Văn Mẫu ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 22-8-1956, lực lượng hải quân của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã đổ bộ lên các hòn đảo chính của nhóm Trường Sa, dựng một cột đá và trưng cờ. Tháng 10-1956, hải quân Đài Loan đến chiếm đảo Ba Bình (Itu Aba). Cũng năm 1956, Trung Quốc chiếm đảo Phú Lâm, đảo lớn nhất trong quần đảo Hoàng Sa.

Sau khi Hoàng Sa thất thủ vào tháng 1-1974, đầu tháng 2-1974, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa quyết định tăng cường phòng thủ các đảo ở quần đảo Trường Sa, đưa lực lượng ra đóng ở năm đảo thuộc Trường Sa. Qua đại sứ ở Philippines, chính quyền Sài Gòn khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Ngày 1-2-1974, đoàn đại biểu của Việt Nam Cộng Hòa ra tuyên bố tại hội nghị của Liên Hiệp Quốc về Luật biển Caracas khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo, tố cáo Bắc Kinh đánh chiếm Hoàng Sa.

Ngày 30-3-1974, đại biểu chính quyền Việt Nam Cộng Hòa khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội đồng kinh tài Viễn Đông họp tại Colombia.

Ngày 14-2-1975, Bộ ngoại giao chính quyền Việt Nam Cộng Hòa công bố Sách Trắng về Hoàng Sa và Trường Sa.

### **Địa lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**

Quần đảo Trường Sa trải dài từ vĩ độ 6°2 vĩ B tới 11°28 vĩ B, (1.4) từ kinh độ 112°Đ đến 115°Đ trong vùng biển, chiếm khoảng 160.000-180.000km<sup>2</sup>. Biển tuy rộng nhưng diện tích các đảo, đá, bãi nổi lên khỏi mặt nước lại rất ít, tổng cộng chỉ khoảng 11km<sup>2</sup>, cách Vũng Tàu 305 hải lý, Cam Ranh 250 hải lý, đảo Phú Quốc 240 hải lý, cách Bình Thuận (Phan Thiết) 270 hải lý.

Quần đảo bao gồm 137 đảo, đá, bãi, không kể năm bãi ngầm thuộc thềm lục địa Việt Nam (gồm bãi Phúc Tần, Huyền Trân, Quế Đường, Phúc Nguyên, Tư Chính).

Căn cứ vào hải đồ vẽ năm 1979 của Cục bản đồ quân sự Bộ tổng tham mưu (Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), quần đảo Trường Sa có thể chia làm chín cụm chính kể từ bắc xuống nam trong đó có cụm đảo Nam Yết hay Ti Gia gồm đảo Nam Yết (Namyit Island, 10°11 vĩ B, 114°217 kinh Đ), đảo Sơn Ca (Sand Cay, 10°227 vĩ B, 114°285 kinh Đ), đảo Ba Bình (Itu Aba Island, 10°228 vĩ

B, 114°217 kinh Đ), cùng bãi Bàn Than (10°231 vĩ B, 114°245 kinh Đ), đá Núi Thị (Petley Reef, 10°247 vĩ B, 114°348 kinh Đ), đá Én Đất (Eldad Reef, 10°21 vĩ B, 114°41 kinh Đ), đá Lạc (10°102 vĩ B, 114°148 kinh Đ), đá Gaven (Gaven Reef, 10°127 vĩ B, 114°13 kinh Đ), đá Lớn (Great Discovery Reef, 10°045 vĩ B, 113°52 kinh Đ), đá Nhỏ (Small Discovery Reef, 10°015 vĩ B, 114°015 kinh Đ), đá Đèn Cây Cỏ (Western or Flora Temple Reef, 10°147 vĩ B, 114°375 kinh Đ). Cụm này có đảo rộng nhất của Trường Sa là Ba Bình và cao nhất là đảo Nam Yết, có nhiều lùm cây cao lớn nhất.

Đảo Ba Bình có độ cao chừng 4m, thấp hơn Nam Yết một chút, diện tích 489.600m<sup>2</sup> (gần 50ha). Đảo này có điều kiện sinh hoạt tốt nhất, đất đai màu mỡ, trồng được khoai mì, rau cải, chuối... Xung quanh có san hô, mặt nước khá yên tĩnh, tàu nhỏ có thể cập bến khá tốt.

Năm 1933, với danh nghĩa "bảo hộ" Việt Nam, Pháp đã cho quân chiếm đóng, thiết lập đài quan trắc khí tượng mang số hiệu 48919, do World Meteorological Organisation cấp phát cùng với đài quan trắc ở Hoàng Sa (Pattle) mang số hiệu 48860 và Phú Lâm mang số hiệu 48859. Ngày 20-5-1956, Đài Loan đã xây dựng cơ sở quân sự kiên cố tại đây. Hiện ở đây có một sân bay nhỏ và cầu tàu cho các chiến hạm cập bến.

Phía tây nam cụm Nam Yết có hòn Đá Chữ Thập (Fiery Cross or N.W, Kagilingan Reef, 9°353 vĩ B, 114°542 kinh Đ), là chỗ cao nhất của một bãi cạn dài 25km, rộng tối đa 6km, bị quân Trung Quốc chiếm đóng, biến nơi đây là cơ sở quân sự quan trọng.

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, chế độ bảo hộ Pháp có viên khâm sứ đứng đầu Trung kỳ chịu trách nhiệm quản lý quần đảo Hoàng Sa. Trong khi Nam kỳ quản lý quần đảo Trường Sa, lại ở dưới chế độ thuộc địa Pháp, song thực chất tất cả đều thuộc chế độ đô hộ kiểu trực trị của Pháp. Mọi quyền hành trong tay Pháp. Chính quyền Nam triều chỉ có trên danh nghĩa. Song trên thực tế chính quyền thuộc địa Pháp cũng đã có những hành động cụ thể củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

### **Họ đã thừa gió bẻ măng !**

Sau năm 1975 cho đến nay, Đài Loan vẫn chiếm giữ trái phép đảo Ba Bình (Itu Aba) thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Chiếm giữ như thế là do lợi dụng hoàn cảnh Việt Nam đang lâm nạn, bị mất chủ quyền, thực dân đô hộ và chiến tranh, nhất là thời điểm quân Pháp rút khỏi Việt Nam.

Để bố phòng khoảng trống lực lượng trên biển Đông, Đài Loan cùng một số nước bất chấp lẽ phải, bất chấp luật pháp quốc tế, chà đạp lên sự thật chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bất khả tranh nghị. "Cái gì của César phải trả lại cho César !". Đó cũng là lời nguyên và cũng là trách nhiệm của mọi con dân đất Việt, không phân biệt già trẻ, chính kiến, ở trong hay ở ngoài nước !

Nhà sử học **Nguyễn Nhã**

# Một cái nhìn về tổ chức quân đội cộng sản Việt Nam

*Nguyễn Văn Huy*

## Chỗ đứng nào dành cho quân đội ?

Ngày 2-12-2007, chính quyền Trung Quốc ra quyết định thành lập huyện Tam Sa, thuộc tỉnh Hải Nam, gồm ba quần đảo : Trung Sa của Trung Quốc và Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Đây là một quyết định hành chính liên quan đến những hòn đảo mà họ đã chiếm trên tay của Việt Nam.

Phản ứng của Việt Nam đã liền tức thì. Như thường lệ, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam ra một thông cáo phản đối hành động này và tiếp tục xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo trên, rồi thôi. Nhưng lần này thanh niên Việt Nam, đặc biệt là sinh viên, đã vận động tự phát biểu tình tố cáo sự vi phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trước sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội và Sài Gòn trong nhiều tuần lễ, và chưa có dấu hiệu chấm dứt. Báo chí trong nước tuy không công khai bên vực những cuộc xuống đường này cũng đã đăng rất nhiều bài vở và dẫn chứng chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này.

Trước sự bất động của Hà Nội, nhiều giả thuyết đã được đặt ra. Một là đảng cộng sản Việt Nam chấp nhận sự kiện đã rồi, nghĩa là nhắm mắt cho Trung Quốc muốn làm gì thì làm trên hai hải đảo mà họ đã chiếm của Việt Nam. Hai là quân đội Việt Nam quá yếu, không đủ khả năng đương đầu với Trung Quốc trên Biển Đông, nên đảng cộng sản Việt Nam chọn thái độ im lặng, lẩn tránh ?

Nếu trường hợp thứ nhất là đúng thì không còn gì để nói, việc giành lại chủ quyền trên hai quần đảo này thuộc về các chính quyền mai sau. Hà Nội chỉ phản ứng lấy lệ khi hành động xâm lấn của Trung Quốc trở nên quá lộ liễu. Tình trạng này sẽ không thay đổi chừng nào đảng cộng sản vẫn còn nắm cầm quyền.

Trường hợp thứ hai đáng được bàn cãi vì trong thực tế quân đội cộng sản Việt Nam tuy không được trang bị đầy đủ nhưng không quá hèn nhát như nhiều người lầm tưởng. Vấn đề của quân đội, cũng như tất cả các lực lượng vũ trang trực thuộc đảng cộng sản Việt Nam, là bị chính trị hóa quá nặng nề. Mỗi đơn vị quân đội đều được lãnh đạo bởi hai cơ chế chính trị : bộ tham mưu và cục chính trị, trong khi những cơ chế quan trọng khác liên quan đến quân đội như cục tác chiến, cục kỹ thuật và cục hậu cần chỉ là phụ thuộc. Nói cách khác, với cơ chế tổ chức hiện nay quân đội chỉ là công cụ của đảng cộng sản, do đó không có chỗ đứng nào trong chính quyền cũng như trong xã hội, nếu đảng cộng sản chủ trương cúi đầu thì quân đội cúi đầu theo.

Theo điều 45 hiến pháp 1992 đã sửa đổi, "các lực lượng vũ trang nhân dân phải tuyệt đối trung thành với tổ quốc và nhân dân, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả của cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước". Nhưng theo cách tổ chức xã hội hiện nay, trung thành với tổ quốc và nhân dân ở đây

phải hiểu là trung thành với đảng cộng sản Việt Nam, vì đảng cộng sản luôn luôn nhân danh tổ quốc và nhân dân để lãnh đạo xã hội, như điều 4 hiến pháp đã qui định. Trả lại cho quân đội chức năng thiêng liêng của nó, nghĩa là bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ, là một cấp bách.

## Quân đội nhân dân Việt Nam

Quân đội Nhân dân Việt Nam, tiền thân là đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ngày 22-12-1944, là lực lượng quân sự chính quy của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Như tên gọi của nó, "quân đội nhân dân" là "từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân phục vụ". Trong thực tế, dưới các chế độ cộng sản, tất cả những định chế có dính kèm thêm hai chữ "nhân dân" phải được hiểu là công cụ của đảng cộng sản : ủy ban nhân dân, quân đội nhân dân, công an nhân dân, viện kiểm sát nhân dân tối cao...

Về tên gọi, quân đội cộng sản mang nhiều tên khác nhau : Giải phóng quân (15-4-1945) do sự kết hợp của đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với lực lượng Cứu quốc quân (lực lượng quân sự chính của Việt Minh với khoảng 450 người) để giành chính quyền năm 1945. Tháng 11-1945, lực lượng này đổi thành Vệ quốc đoàn, hay Vệ quốc quân, với khoảng 50.000 người, gồm 40 chi đội. Ngày 22-5-1946, đội quân này trở thành Quân đội quốc gia Việt Nam được chính quy hóa. Bên cạnh đó, chính quyền Việt Minh lập thêm các lực lượng vũ trang và bán vũ trang quần chúng gồm dân quân (ở nông thôn) và tự vệ (ở đô thị). Cuối năm 1946, có khoảng 1 triệu dân quân tự vệ đã được tổ chức và huấn luyện quân sự. Năm 1950, Quân đội quốc gia Việt Nam đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tại miền Nam, ngày 15-2-1961, trong Chiến khu Đ, các Vệ quốc đoàn kết hợp với bộ phận tăng viện của quân đội nhân dân từ miền Bắc vào và lực lượng du kích chiêu mộ tại chỗ, được tổ chức thống nhất dưới tên gọi Quân giải phóng miền Nam, gọi tắt là Giải phóng quân, là lực lượng quân sự của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất, quân đội nhân dân và quân giải phóng miền Nam hợp lại thành Quân đội nhân dân Việt Nam, với khoảng 1,1 triệu quân thường trực. Hiện nay, quân đội nhân dân Việt Nam có khoảng 480.000 người đang tại ngũ.

## Bộ tổng tham mưu

Cơ quan chỉ huy tối cao của quân đội là bộ tổng tham mưu, cơ quan đầu ngành tham mưu của bộ quốc phòng, đứng đầu là tổng tham mưu trưởng. Từ 1978, tổng tham mưu trưởng kiêm nhiệm luôn chức vụ thứ trưởng quốc phòng, hiện nay là thượng tướng, Nguyễn Khắc Nghiên. Các phó tổng tham mưu gồm các trung tướng Nguyễn Hữu Khảm, Nguyễn Năng Nguyễn, Nguyễn Đăng Luyện, Phạm Hồng Lợi, Trần Quang Khuê, Nguyễn Song Phi.

Vai trò của bộ tổng mưu chỉ mới được tái lập gần đây, năm 1975. Trước đó, ngày 7-9-1945, bộ tổng tư lệnh là cơ quan chỉ huy cao nhất của lực lượng vũ trang (quân đội và công an) trong suốt hai cuộc chiến Đông Dương (1945-1954 và 1956-1975). Vì là cơ quan chỉ huy tối cao, cơ chế này có nhiều tên gọi khác nhau: Ủy ban kháng chiến toàn quốc hay Toàn quốc kháng chiến ủy viên hội (2-3-1946), Quân sự ủy viên hội, gọi tắt là Quân ủy hội (6-5-1946), Bộ tổng chỉ huy quân đội quốc gia Việt Nam (tháng 11-1946), sau đó đổi thành Bộ tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ (tháng 3-1947), rồi Bộ tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam (tháng 4-1948). Trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954), cơ quan chỉ huy tối cao này đổi thành Bộ tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam (tháng 7-1950), gồm bộ tổng tham mưu, tổng cục chính trị, tổng cục cung cấp, đoàn thanh tra và văn phòng. Đến năm 1975 cơ quan này đổi tên thành Bộ tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam và tồn tại cho tới ngày nay.

Trong chiến tranh, chủ trương của bộ tổng tham mưu quân đội cộng sản Việt Nam là giành thắng lợi, quân sự hay tuyên truyền, bằng mọi giá bất chấp thiệt hại về người hay tài sản. Với những thiệt hại này, nhiều câu hỏi được đặt ra: Có cần phải trả một giá quá đắt về nhân mạng và tài sản để đạt chiến thắng không? Thân nhân những người đã hy sinh trong cuộc chiến có được đền bù xứng đáng không? Phe thất trận (Pháp, Hoa Kỳ và đồng minh) đã đền bù như thế nào cho nhân dân Việt Nam? Nhắc lại:

- Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954) tổng số thương vong của Pháp là 140.992 người, trong đó 75.867 người chết và mất tích, 65.125 người bị thương; tổng số thương vong của quân đội quốc gia Việt Nam là 31.716 người, trong đó 18.714 chết và mất tích, 13.002 bị thương, khoảng 25.000 thường dân bị thiệt mạng. Phía Việt Minh, số thương vong cao gấp ba lần, khoảng 500.000 người trong đó hơn 325.000 chết.

- Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1956-1975), số thiệt hại về tài sản và nhân mạng càng khủng khiếp: hơn một triệu binh lính cộng sản và bốn triệu thường dân bị thiệt mạng, cao gấp 5 lần so với thiệt hại phía Việt Nam Cộng Hòa: 255.000 binh lính và 430.000 thường dân bị thiệt mạng. So với thiệt hại của Hoa Kỳ và đồng minh: 58.000 lính Mỹ chết và 158.000 bị thương; Đại Hàn: 5.000 chết; Úc: 500 chết, 3.000 bị thương; New Zealand: 38 chết và 118 bị thương; Thái Lan: 351 chết và bị thương; Philippnes vài chục người chết và bị thương, thì sự thiệt hại của phe cộng sản cao gấp 17 lần.

- Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, phe cộng sản tuy có đạt được thắng lợi về mặt tuyên truyền nhưng gần như toàn bộ lực lượng vũ trang của phe cộng sản tại miền Nam đã bị tiêu diệt. Ngay trong đợt đầu ngày 30-1-1968, hơn một nửa lực lượng quân sự đã bị thiệt mạng, gần 80.000 người, trong đó 1/4 là đặc công. Càng bị thiệt hại, phe cộng sản càng thí quân, các cuộc tổng tấn công lần thứ hai vào tháng 5-1968 và lần thứ ba vào tháng 8-1968 đã nâng tổng số thiệt hại về nhân mạng của phe cộng sản

lên 125.000 người. Phải chờ ba năm sau, từ 1969 đến 1971, phe cộng sản miền Nam mới xây dựng lại được lực lượng.

Theo tổ chức của quân đội cộng sản Việt Nam, bộ tổng tham mưu là cơ quan lãnh đạo chính trị và tư tưởng. Trong mỗi đơn vị, quyết định của các cấp chỉ huy tác chiến phụ thuộc vào các tham mưu trưởng và cấp phó. Trong sơ đồ tổ chức, đứng đầu là Văn phòng bộ tổng tham mưu (chánh văn phòng thiếu tướng Nguyễn Hữu Mạnh), kế là Cục chính trị, sau đó mới đến các cục mang tính kỹ thuật như Cục tác chiến, Cục quân lực, Cục tác chiến điện tử, Cục quân huấn, Cục bản đồ, Cục cơ yếu, Cục quản lý hành chính (tương đương với Cục hậu cần: quân lương, quân trang, xây dựng doanh trại, nhiên liệu, quân y, nhà khách... thuộc bộ tổng tham mưu), Cục nhà trường (huấn luyện và đào tạo), Cục dân quân tự vệ (năm 1975 là Cục động viên và dân quân, năm 1979 là Cục quân sự địa phương, năm 1980 có tên gọi như hiện nay), Cục kiểm soát quân sự (lữ đoàn 144). Ngoài ra còn một số cơ quan và đơn vị khác.

Dưới quyền điều động của bộ tổng tham mưu là các quân chủng, binh chủng và quân đoàn chủ lực. Quân chủng gồm lục quân, không quân, hải quân và bộ đội biên phòng, trong đó lục quân là lực lượng quân sự chủ yếu với các binh chủng (pháo binh, hóa học, công binh, tăng thiết giáp, thông tin liên lạc và đặc công) và bốn quân đoàn chủ lực (quân đoàn 1 hay binh đoàn Quyết thắng, quân đoàn 2 hay binh đoàn Hương Giang, quân đoàn 3 hay binh đoàn Tây Nguyên, quân đoàn 4 hay binh đoàn Cửu Long).

Từ 1982 trở lại đây, mỗi quân chủng, binh chủng và đơn vị kỹ thuật có một phù hiệu riêng, tổng cộng 25 loại: lục quân, hải quân, không quân, phòng không, bộ binh cơ giới, đặc công, xe tăng-xe bọc thép, pháo binh, hóa học, công binh, thông tin, bộ đội biên phòng, bộ đội nhảy dù, hải quân đánh bộ, tên lửa, cao xạ, ra-đa, hậu cần-tài vụ, quân y-thứ y, kỹ thuật, lái xe, quân pháp (gồm cơ quan điều tra hình sự, tòa án quân sự, viện kiểm sát quân sự, cơ quan pháp chế và các lực lượng kiểm soát quân sự), quân nhạc, thể công, văn công.

### **Quân chủng lục quân**

Lục quân, hay bộ binh, là lực lượng chính quy chủ yếu của quân đội cộng sản Việt Nam, với một quân số khoảng 400.000 người.

Lực lượng bộ binh gồm ba thứ quân: chủ lực, địa phương và dân quân-tự vệ. Dân quân-tự vệ là lực lượng bán quân sự trực thuộc địa phương. Hai lực lượng còn lại (chủ lực và địa phương) là lực lượng quân sự chuyên nghiệp và được huấn luyện chính quy.

Tổ chức quân đội cộng sản Việt Nam, đứng ra là lục quân, chia ra làm hai loại: quân cơ động và quân đồn trú. Quân cơ động là lực lượng chủ lực tiến công cơ động, bộ chỉ huy không trú đóng tại một khu vực địa dư cố định nào. Quân đồn trú đóng quân cố định tại một khu vực địa dư cố định để bảo vệ và xây dựng lực lượng quân sự địa phương.

Quân chủ lực, hay quân cơ động, gồm 10 quân đoàn (còn gọi là binh đoàn). Quân đoàn là cấp tổ chức cao nhất



trong lực quân. Các cấp tổ chức từ thấp đến cao là tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn (đại đoàn). Từ cấp tiểu đoàn trở lên, ban chỉ huy gồm các cấp trưởng, cấp phó tác chiến, và các cấp tham mưu trưởng và phó phụ trách chính trị. Trước sự mở rộng ra thế giới bên ngoài, năm 2006 danh xưng chính ủy - chính trị viên trong quân đội được phục hồi.

Bốn trong số 10 quân đoàn đầu tiên là quân chủ lực : Quân đoàn 1 (Binh đoàn Quyết Thắng) được thành lập ngày 24-10-1973 tại Ninh Bình. Quân đoàn 2 (Binh đoàn Hương Giang) được thành lập ngày 17-5-1974 tại Thừa Thiên-Huế, gồm các sư đoàn 304, 324, 325, sư đoàn 673 phòng không, lữ đoàn 203 xe tăng, lữ đoàn 164 pháo binh, lữ đoàn 219 công binh. Quân đoàn 3 (Binh đoàn Tây Nguyên) được thành lập ngày 26-3-1975 tại Đắc Lắc. Quân đoàn 4 (Binh đoàn Cửu Long, trước kia là "Bộ chỉ huy 351") được thành lập ngày 20-7-1974 tại chiến khu Dương Minh Châu, miền Đông Nam Bộ, gồm các sư đoàn 7, 9, 309, pháo binh 434, trung đoàn phòng không 71, trung đoàn thông tin 29, trung đoàn công binh 550, tiểu đoàn vận tải 29, trung đoàn hóa học 38 và một số đơn vị trực thuộc. Những quân đoàn còn lại trực thuộc các quân khu như Quân đoàn 5 thuộc Quân khu 1 ; Quân đoàn 6 thuộc Quân khu 2 ; Quân đoàn 7 thuộc bộ quốc phòng ; Quân đoàn 8 (Binh đoàn Pắc Bó) thuộc Quân khu 1 ; Quân đoàn 68 thuộc Quân khu 2 ; Quân đoàn 34 thuộc Quân khu thủ đô.

Quân đồn trú là đơn vị quân sự chính qui trong một khu vực địa dư cố định mà chức năng chính là tác chiến bảo vệ khu vực địa dư đã được phân chia, xây dựng lực lượng quốc phòng địa phương. Bộ tham mưu quân khu chỉ huy quân địa phương và một số sư đoàn chủ lực. Việt Nam hiện nay có 8 quân khu gồm Quân khu 1 (khu vực rừng núi phía Đông Bắc), Quân khu 2 (các tỉnh miền núi phía Tây Bắc), Quân khu 3 (các tỉnh đồng bằng miền Bắc), Quân khu 4 (các tỉnh phía Bắc miền Trung), Quân khu 5 (các tỉnh phía Nam miền Trung và Tây Nguyên), Quân khu 7 (miền Đông Nam phần và khu vực Sài Gòn Gia Định), Quân khu 9 (miền Tây Nam phần) và Quân khu thủ đô (Hà Nội và các thành phố phụ cận).

Mỗi quân đoàn và mỗi quân khu có nhiều sư đoàn trực thuộc. Quân số của các sư đoàn không cố định, trên nguyên tắc từ 10.000 đến 15.000 người nhưng trong thực tế nhiều sư đoàn chỉ có từ 6.000 đến 7.000 quân. Một sư đoàn có nhiều trung đoàn, số trung đoàn cũng không cố định tùy theo tầm quan trọng của địa bàn hoạt động (nếu ở gần các vùng biên giới thì nhiều hơn), quân số của một trung đoàn khoảng 4.000 người, trong thực tế chỉ có từ 2.500 đến 3.000 quân. Một trung đoàn có nhiều tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có từ 700 đến 900 người, con số trung bình trong thực tế là từ 500 đến 600 quân. Một tiểu đoàn có nhiều đại đội, mỗi đại đội có từ 150 đến 180 người, con số trung bình trong thực tế là trên dưới 100 quân. Mỗi sư đoàn bộ binh có thể được tăng cường bởi nhiều binh chủng như bộ binh cơ giới, pháo binh, pháo phản lực, pháo chống tăng, phòng không, xe tăng, công binh, thông tin, trinh sát, sửa chữa, quân y, vận tải, hóa học, thông tin liên lạc, tải thương...

Trong một số quân đoàn chủ lực, những binh chủng tinh nhuệ và kỹ thuật như đặc công, pháo binh, công binh, hóa học, tăng-thiết giáp, thông tin liên lạc được gởi đến để tăng cường khả năng tác chiến.

### **Quân chủng hải quân**

Hải quân nhân dân Việt Nam là một trong hai quân chủng mới nhất của Bộ quốc phòng (không quân và hải quân), được thành lập trong thập niên 1980. Cơ quan chỉ huy là bộ tư lệnh hải quân (tư lệnh : phó đô đốc Nguyễn Văn Hiến và hai chính ủy : phó đô đốc Nguyễn Văn Tình và chuẩn đô đốc Trần Thanh Huyền), đặt dưới quyền chỉ đạo của bộ tham mưu quân đội nhân dân. Bộ tư lệnh hải quân còn chỉ huy thêm một số binh chủng đặc biệt như hải quân đánh bộ (thủy quân lục chiến), tên lửa-pháo bờ biển, không quân hải quân.

Các cấp đơn vị trong hải quân gồm hải đoàn, hải đội tàu, binh đoàn hải quân đánh bộ, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm phục vụ (ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần...).

Dưới quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh hải quân là các cơ quan và đơn vị trực thuộc gồm Cục chính trị, Bộ tham mưu, Bảo tàng hải quân (Hải Phòng), Cục hậu cần, Cục kỹ thuật, Cục cảnh sát biển, Viện kỹ thuật hải quân (trụ sở chính đặt tại Hải Phòng), Lữ đoàn 171, Lữ đoàn công binh 131, Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Công ty Hải Long (X46), Nhà máy quốc phòng X51, Học viện hải quân Nha Trang, Trường trung học kỹ thuật hải quân và một số trường trung học chuyên nghiệp, nhà máy, xí nghiệp khác.

Các vùng hải quân là tổ chức liên binh đoàn chiến dịch-chiến thuật của hải quân, phân chia theo lãnh thổ, gồm các binh đoàn, binh đội tàu mặt nước, không quân của hải quân, hải quân đánh bộ, bộ đội phòng thủ đảo, pháo binh bờ biển và các đơn vị tác chiến kỹ thuật (ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần...). Ngày 26-10-1975, bờ biển Việt Nam được chia thành 5 vùng duyên hải trực thuộc bộ tư lệnh hải quân. Năm 1978 các vùng duyên hải đổi thành 5 vùng hải quân :

1. Vùng 1 (vùng I, vùng A) : Vịnh Bắc Bộ. Từ 1975 đến 1978 vùng 1 quản lý vùng biển từ Móng Cái đến Ninh Bình (cửa sông Đáy). Tháng 10-1978 một phần lực lượng của Vùng 2 giải thể được sáp nhập vào Vùng 1. Từ đây Vùng 1 được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ một vùng biển rộng từ cửa sông Bắc Luân đến mũi Độc (gần Đèo Ngang, vùng giáp giới hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình) bao gồm các đảo gần bờ, xa bờ và thềm lục địa thuộc Vịnh Bắc Bộ.

2. Vùng 2 (vùng II, vùng B), vùng biển từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên, bị giải thể năm 1978 để sáp nhập vào vùng 1 và vùng 3.

3. Vùng 3 (vùng III, vùng C). Từ 1975 đến 1978 vùng 3 quản lý vùng biển từ Đà Nẵng đến mũi Kê Gà (Bình Thuận), có bờ biển dài khoảng 1.100 km. Sau khi vùng 2 giải thể, vùng 3 quản lý cả đoạn giữa miền Trung, từ mũi Độc trở vào đến Bình Thuận, gồm đảo Cồn Cỏ, Lý Sơn... Trụ sở bộ chỉ huy đặt tại Đà Nẵng. Vùng 3 Duyên hải gồm 3 khu duyên hải : Nam Ngãi (khu 31), Bình Phú (khu 32),

Khánh Ninh Bình (Khu 33) ; một khu duyên hải tương đương cấp trung đoàn.

4. Vùng 4 (vùng IV, vùng D), quản lý quần đảo Trường Sa và vùng biển phía nam miền Trung, từ Hàm Tân đến sông Soài Rạp.

5. Vùng 5 (vùng V, vùng E) quản lý vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan, từ sông Soài Rạp đến Hà Tiên.

Từ năm 1981, quân hàm các cấp tướng trong hải quân mới có tên gọi riêng, theo cách gọi của Liên Xô : đô đốc (tướng đương thượng tướng), phó đô đốc (tướng đương trung tướng), chuẩn đô đốc (tướng đương thiếu tướng). Cho đến nay chỉ có một đô đốc : cố tư lệnh hải quân Giáp Văn Cương (1921-1990) được phong năm 1988. Hiện nay quân hàm cao nhất trong quân chủng hải quân là phó đề đốc.

Được thành lập ngày 7-5-1955, lực lượng hải quân cộng sản Việt Nam còn rất mới và rất yếu. Trước đó chỉ có hai thủy đội Sông Lô và Bạch Đằng được thành lập ngày 24-8-1954, Trường huấn luyện bờ biển được thành lập tháng 4-1955, Cục phòng thủ bờ biển được thành lập tháng 5-1955. Ngày 24-1-1959, Cục phòng thủ bờ biển đổi thành Cục hải quân và ngày 3-1-1964 thành Bộ tư lệnh hải quân. Ngày 13-9-1975, các đơn vị phòng thủ đảo được thành lập. Ngày 31-8-1998, lực lượng cảnh sát biển Việt Nam được thành hình.

Học viện hải quân có hai trụ sở, một tại Nha Trang (cơ sở 2) và một tại Quảng Yên (cơ sở 1), có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan hải quân có trình độ đại học để đảm nhiệm các vai trò chỉ huy tham mưu kỹ thuật hải quân, thời gian đào tạo kéo dài từ 5 đến 5,5 năm. Chương trình đào tạo quá nặng về chính trị nên trình độ kỹ thuật và chuyên môn của học viên rất giới hạn nhất là về các ngành hàng hải, cơ điện, tên lửa, pháo tàu, vũ khí dưới nước, thông tin rada, cảnh sát biển và ngoại ngữ.

Hiện nay trang bị của hải quân Việt Nam còn quá nghèo nàn so với các quốc gia trong vùng. Khi lâm chiến chỉ trông cậy vào các loại tên lửa địa đối không hay địa đối địa. Lực lượng tàu chiến có trọng lượng lớn không nhiều, lực lượng tàu ngầm cũng thế, rất ít và có trọng tải nhỏ, nên chỉ có thể bảo vệ các vùng hải phận gần mà thôi. Các loại tàu phóng ngư lôi còn quá ít và thiếu tập dượt nên hỏa lực không đáng kể.

### **Quân chủng không quân**

Không quân nhân dân Việt Nam, là một bộ phận của quân chủng phòng không-không quân trực thuộc bộ quốc phòng. Được thành lập ngày 3-3-1955 dưới tên gọi Ban nghiên cứu sân bay, sau đó đổi thành Cục không quân ngày 24-1-1959 gồm Ban nghiên cứu sân bay và Cục hàng không dân dụng Việt Nam. Từ sau ngày đó, lực lượng không quân bắt đầu phát triển với Trung đoàn vận tải 919 tháng 5-1959. Ngày 22-10-1963 Cục không quân được sáp nhập vào Bộ tư lệnh phòng không thành Quân chủng phòng không-không quân, lúc đó chỉ có một Trung đoàn vận tải 919 và Trung đoàn 910 (gồm các loại máy bay L-39C và Jak-18 trường huấn luyện).

Trung đoàn không quân tiêm kích (chasseur) đầu tiên ra đời ngày 3-2-1964 tại Mông Tự (Vân Nam, Trung Quốc) mang mã số 921 với tên đoàn Sao Đỏ, gồm 70 phi công, 32 máy bay chiến đấu MiG-17, 4 MiG-15, MiG-17A, từ tháng 4-1965 tất cả được chuyển sang MiG-21bis/UM. Trung đoàn thứ hai được thành lập ngày 4-8-1965 mang mã số 923 với tên đoàn Yên Thế gồm các loại máy bay tiêm kích-bom Su-22M-4/UM-3K. Trung đoàn thứ ba mang mã số 927 với tên đoàn Lam Sơn gồm các loại máy bay MiG-21bis/UM. Tiếp theo sau là nhiều trung đoàn khác với các mã số 916 Ba Vì (trực thăng Mi-6/8/24D), 917 Đồng Tháp (vận tải An-2/26, Mi-8), 918 Hồng Hà (vận tải An-26/30, Jak-40), 920 (MiG-21/UM), 925 (MiG-21bis/UM), 929 (MiG-21bis/UM), 931 (MiG-21bis/UM), 933 (MiG-21bis/UM), 935 Đồng Nai (MiG-21bis/UM), 937 Hậu Giang (Su-22M-4/UM-3K), 954 (Ka-25/28). Tuyệt đại đa số các loại máy bay này được sản xuất tại Liên Xô.

Bộ tư lệnh không quân được thành lập vào tháng 3-1967, nhưng quân chủng không quân chỉ chính thức ra đời ngày 16-5-1977, với các binh chủng không quân tiêm kích, không quân tiêm kích-bom, không quân vận tải, không quân trinh sát... để rồi được sáp nhập trở lại vào quân chủng phòng không-không quân ngày 3-3-1999.

Hiện nay lực lượng không quân của Việt Nam có khoảng 30.000 người, gồm 3 sư đoàn : 370 Lê Lợi, 371 Thăng Long (1967), B372 Hải Vân, trong đó có 2 trung đoàn công kích, 2 đoàn tiêm kích, 3 đoàn vận tải, 3 đoàn huấn luyện, 4 lữ đoàn cao pháo, 6 lữ đoàn radar với hơn 100 trận địa radar và 66 trận địa tên lửa không đối không. Hai nơi đào tạo phi công hiện nay là tại Sơn Tây và Nha Trang.

Về máy bay phản lực chiến đấu (fighter) lực lượng không quân Việt Nam được trang bị từ 120 đến 150 MiG-21 (hơn 100 chiếc được nâng cấp thành MiG-21bis), từ 50 đến 60 Su-22M3/M4, 12 Su-27UBK/SK và đặc biệt là 4 Su-30MK2 tối tân nhất do Nga chế tạo. Nhờ có nhiều phi trường nằm rải rác trên khắp cả nước, khả năng tác chiến của binh chủng trực thăng Việt Nam rất hữu hiệu. Về trực thăng chiến đấu có từ 20 đến 30 chiếc Mil Mi-24, từ 50 đến 60 chiếc Mi-17 và từ 10 đến 15 chiếc Ka-25/27/32 mới nhất của Nga. Ngoài còn có rất nhiều loại máy bay và trực thăng vận tải và huấn luyện khác.

Tất cả các loại máy bay được cất giữ tại 16 phi trường quân sự trên khắp lãnh thổ Việt Nam : Kép (Bắc Giang), Kiến An (Hải Phòng), Yên Bái, Hòa Lạc (Hà Tây), Gia Lâm (Hà Nội), Sao Vàng (Thanh Hóa), Anh Sơn (Nghệ An), Nha Trang (Khánh Hòa), Thành Sơn (Ninh Thuận), Nước Trong-Long Thành (Đồng Nai), Biên Hòa (Đồng Nai), Vũng Tàu, Tân Sơn Nhất (Sài Gòn), Phước Long (Bình Phước), Phú Giáo (Bình Dương), Cần Thơ. Hiện có thêm 8 phi trường khác đang được xây dựng tại Lào Cai, Móng Cái, Hạ Long, Phan Rang, Cần Thơ, Long Thành, Đà Lạt và Phú Quốc.

### **Bộ đội biên phòng**

Bộ đội biên phòng đảm nhiệm công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia của Việt Nam.

Tuy không phải là một quân chủng chính thức nhưng bộ đội biên phòng được xếp ngang hàng với một quân chủng. Cơ quan chỉ huy là Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng, trụ sở đặt tại số 4 phố Đinh Công Tráng, Hà Nội. Tư lệnh là trung tướng Tăng Huệ với nhiều phụ tá hàm thiếu tướng đảm nhiệm các chức vụ chính ủy, phó ủy và phó tư lệnh.

Hệ thống tổ chức của bộ đội biên phòng có ba cấp :

**1. Bộ tư lệnh trung ương** với các cơ quan trực thuộc bộ (Bộ tham mưu, Cục chính trị, Cục hậu cần-kỹ thuật, Cục trinh sát, Cục điều tra, Cục phòng chống tội phạm ma túy) và các đơn vị khác (Học viện biên phòng tại Sơn Tây, Cơ sở 2 Mai Dịch-Cầu Giấy-Hà Nội, Công ty Trường Thành, Công ty Sơn Hải (Hải Phòng), Trường 24 nuôi dạy chó nghiệp vụ.

**2. Bộ chỉ huy biên phòng các tỉnh, thành phố** trực thuộc trung ương gồm các phòng chính trị, tham mưu, trinh sát, hậu cần và các đơn vị trực thuộc như tiểu đoàn huấn luyện, đại đội cơ động, bệnh xá biên phòng tỉnh.

**3. Đồn biên phòng** gồm ban chỉ huy đồn, các đội vũ trang, đội công tác biên phòng, đội trinh sát biên phòng. Các đồn đặt tại các cửa khẩu, đường tiểu ngạch qua biên giới còn có thêm trạm kiểm soát biên phòng.

Bộ đội biên phòng gồm hai lực lượng trên đất liền và trên mặt nước. Trên nước có hải đoàn và hải đội biên phòng. Hải đoàn biên phòng là đơn vị chiến đấu cấp chiến thuật, cơ động chiến đấu trên vùng biển, trực thuộc bộ tư lệnh bộ đội biên phòng trung ương. Hải đội biên phòng là đơn vị chiến đấu cấp cơ sở trên vùng biển, trực thuộc bộ chỉ huy biên phòng tỉnh hoặc nằm trong biên chế hải đoàn biên phòng. Hỏa lực của bộ đội biên phòng hiện nay quá yếu, chưa cân xứng với trách nhiệm được giao phó, do đó chưa đủ khả năng bảo vệ biên giới và lãnh thổ của tổ quốc một cách triệt để khi bị một thế lực mạnh hơn đe dọa mặc dù có thừa quyết tâm và dũng cảm.

Được thành lập ngày 19-11-1958, bộ đội biên phòng mang nhiều tên khác nhau và trực thuộc nhiều cơ quan khác nhau. Ngày 19-11-1958, công tác bảo vệ nội địa và biên phòng giao cho ngành công an trực tiếp chỉ đạo, gọi là Lực lượng cảnh vệ gồm Cảnh vệ biên phòng và Cảnh vệ nội địa. Cảnh vệ biên phòng có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự dọc các khu vực biên giới, ngăn chặn những cuộc xâm nhập vào biên giới trên đất liền và bờ biển, kiểm soát việc qua lại biên giới (xe, người, hàng lý, hàng hóa từ trong nước mang ra và từ ngoài nước mang vào trong nước). Cảnh vệ nội địa có nhiệm vụ đánh dẹp những hoạt động phá hoại, bảo vệ những yếu nhân của đảng và nhà nước, các cơ quan ngoại giao, các lãnh tụ quốc tế và các vị khách nước ngoài vào thăm Việt Nam, bảo vệ các công xưởng, hầm mỏ, kho tàng, các trung tâm thông tin liên lạc, các đầu mối và trục giao thông, các cuộc vận chuyển và các cơ sở văn hóa, khoa học kỹ thuật quan trọng, bảo vệ an ninh thủ đô, các thành phố và thị xã quan trọng, các cuộc mít tinh lớn do đảng và nhà nước tổ chức, thi hành lệnh giới nghiêm khi cần thiết, canh gác các trại cải tạo, trại giam, áp giải các phạm nhân chính trị và hình sự quan trọng, bảo vệ các phiên tòa.

Ngày 3-3-1959, bộ đội biên phòng có tên Công an nhân dân vũ trang, đặt dưới sự lãnh đạo của bộ công an. Đến cuối năm 1979, Công an nhân dân vũ trang lấy lại tên cũ là Bộ đội biên phòng trực thuộc Bộ quốc phòng. Năm 1988, Bộ đội biên phòng trực thuộc Bộ nội vụ, cuối năm 1995 thì trực thuộc lại Bộ quốc phòng.

## **Các binh chủng**

### **1. Binh chủng đặc công**

Đặc công là lực lượng tinh nhuệ nhất trong các binh chủng tác chiến chuyên nghiệp của chính quyền cộng sản Việt Nam. Tuy không được trang bị bằng lực lượng đặc nhiệm của các cường quốc quân sự, khả năng chiến đấu của binh chủng đặc công Việt Nam không thua kém. Lối đánh của đặc công rất dũng cảm và táo bạo. Ưu điểm của đặc công là đánh bất ngờ, nếu bị lộ thì chuyển sang đánh bằng hỏa lực mạnh, do đó được coi là lá bài tẩy của đảng cộng sản Việt Nam và đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của bộ tham mưu, nghĩa là của đảng ủy cộng sản chứ không qua bộ quốc phòng. Nếu được trang bị hiện đại và ăn mặc tươm tất hơn, lực lượng này có thể tham gia những cuộc diễn tập quân sự quốc tế và tham gia công tác giữ gìn an ninh của Liên Hiệp Quốc.

Được thành lập ngày 19-3-1967, lực lượng này phát triển nhanh chóng trong những năm sau đó với sự hình thành ba loại đặc công : đặc công bộ (trên đất liền), đặc công nước (trên sông, biển và cảng tàu), đặc công biệt động (trong thành phố). Như mọi tổ chức quân đội khác, lực lượng đặc công đặt dưới quyền chỉ huy của bộ tham mưu, kể là các cục chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Trụ sở đặt tại thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Lực lượng đặc công hiện nay gồm nhiều tiểu đoàn và một trường đào tạo sĩ quan đặc công.

Việt Nam có bờ biển dài, nhiều sông ngòi và đan xen chằng chịt như miền Nam, lực lượng đặc công nước (còn gọi là đặc công thủy) đã tỏ ra hữu hiệu không kém gì đặc công bộ. Vì đánh dưới nước khó khăn hơn nhiều so với trên đất liền, trang bị vũ khí của đặc công nước cũng khác biệt hơn. Tại miền Bắc, lực lượng đặc công nước được sử dụng vào các công tác săn lùng tàu địch. Nếu được đào tạo và trang bị thích ứng hơn, lực lượng này có thể đảm nhiệm vai trò bảo vệ các quần đảo ngoài khơi.

Thời chiến tranh, trong các thành phố, lực lượng đặc công biệt động đảm nhiệm các vai trò ám sát, đánh các đồn bót, các phi trường và đặt bom phá hoại công thự, cầu cống, kho đạn, kho vũ khí, kho xăng, phương tiện di chuyển và chuyên chở.

### **2. Binh chủng pháo binh**

Được thành lập ngày 29-6-1946, binh chủng pháo binh đã nhanh chóng trở thành binh chủng hỏa lực chính yếu của bộ binh. Bộ tư lệnh pháo binh đặt tại phố Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội, với các cơ quan chỉ huy như Bộ tham mưu, Cục chính trị, Cục hậu cần, Cục kỹ thuật, Trường sĩ quan pháo binh (Sơn Tây) và các lữ đoàn pháo được phân bổ vào các sư đoàn bộ binh.

Binh chủng pháo binh hiện nay được trang bị đủ loại đại pháo cũ và mới, có loại có từ thập niên 1970, có loại mới nhất nhập từ Nga.

### 3. Công binh

Công binh là một binh chủng kỹ thuật, có chức năng giữ gìn các công trình trong tác chiến, xây dựng các công trình quốc phòng và cầu đường cho bộ binh tác chiến.

Được thành lập từ 1946 với những phương tiện thô sơ, binh chủng công binh ngày nay được trang bị khá hiện đại với những loại xe cơ động và máy móc tối tân được các quốc gia Đông Á giúp đỡ từ thập niên 1990 đến nay.

Đây là một binh chủng khá mới trong lối tác chiến hiện đại nên mang rất nhiều tên khác nhau qua các thời kỳ : Công chính giao thông cục ngày 25-3-1946, trực thuộc bộ quốc phòng, Giao thông công binh cục ngày 2-12-1946, Cục công binh ngày 5-2-1949, Phòng công binh ngày 17-8-1951, rồi trở lại tên Cục công binh ngày 3-11-1955. Bộ tư lệnh công binh được thành lập ngày 28-6-1965, trụ sở đặt tại phố Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đứng đầu binh chủng công binh là Bộ tham mưu, kế đến là các cục chính trị, hậu cần và kỹ thuật, tiếp theo là các cơ quan và đơn vị trực thuộc như Công ty xây dựng Lũng Lô, Trung tâm công nghệ xử lý bom mìn (Bomicen), Trường sĩ quan công binh (Bình Dương), Bảo tàng công binh (Hà Nội) và các lữ đoàn.

### 4. Hóa học

Đây là một binh chủng kỹ thuật được thành lập để hỗ trợ các sư đoàn bộ binh, được thành lập từ năm 1958. Binh chủng hóa học có nhiệm vụ phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng và nghi binh đánh lừa địch bằng khói. Hỏa lực chính của binh chủng hóa học là vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

Bộ tư lệnh của binh chủng hóa học đặt tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Vì là một đơn vị có tầm vóc nhỏ, các ban phòng và đơn vị hóa học thường được kết hợp vào các đơn vị lực lượng quân như quân khu, sư đoàn, trường sĩ quan lục quân. Năm 1976, Cục hóa học được thành lập cùng lúc với Trường sĩ quan phòng hóa, Viện hóa học quân sự, Trung đoàn hóa học 86, Trường hạ sĩ quan hóa học. Phân viện phòng chống vũ khí NBC (nguyên tử, vi sinh vật và hóa học) và Trung tâm khoa học và công nghệ quân sự được thành lập trong thập niên 1980.

### 5. Tăng-thiết giáp

Các đơn vị tăng và thiết giáp đã xuất hiện từ năm 1959 nhưng binh chủng thiết giáp chỉ được thành lập từ ngày 22-6-1965 và không ngừng lớn mạnh nhờ được Liên Xô và Trung Quốc viện trợ.

Bộ tư lệnh binh chủng tăng và thiết giáp đặt tại đường Phạm Văn Đồng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, với các bộ tham mưu, cục chính trị, hậu cần và kỹ thuật, trường sĩ quan tăng thiết giáp (Vĩnh Phúc), Trường hạ sĩ quan (Vĩnh Phúc), Bảo tàng tăng thiết giáp (Hà Nội), Công ty xây dựng Nghĩa Đô, Đoàn xe tăng H01 và các lữ đoàn.

Hiện nay binh chủng tăng-thiết giáp được trang bị các loại xe tăng chủ lực T-54/55, T-62 của Liên Xô, T-59 của Trung Quốc, 150 xe T-72 mua của Ba Lan năm 2005 ; xe tăng lội nước PT-76 của Nga, K-63-85 của Trung Quốc ; các loại xe thiết giáp chiến đấu BMP-1/2 của Nga, trinh sát BRDM-1/2 của Nga, chở quân BTR-40/50/60/152 của Nga, M-113/114 của Mỹ ; K-63 của Trung Quốc.

### 6. Thông tin-liên lạc

Đây là một binh chủng kỹ thuật được thành lập để hỗ trợ lực lượng quân, có chức năng bảo đảm thông tin và liên lạc cho chỉ huy quân đội. Nhiều đơn vị thông liên lạc đã được thành lập từ 1945 để hỗ trợ bộ đội, binh chủng thông tin liên lạc chỉ chính thức thành lập ngày 31-1-1968 dưới tên Cục thông tin liên lạc, trụ sở đặt tại phố Giảng Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội. Dưới Bộ tư lệnh là các Cục tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các trung đoàn và tiểu đoàn thông tin, Trường sĩ quan chỉ huy kỹ thuật thông tin (Nha Trang).

### 7. Tên lửa-phòng không

Binh chủng này được kết hợp chung với quân chủng không quân, có nhiệm vụ sử dụng tên lửa để tiêu diệt các khí cụ bay của đối phương trên không và để bảo vệ các trung tâm chính trị, kinh tế, nơi trú đóng của các lực lượng quân sự và các mục tiêu chiến lược quan trọng.

Vì được thành lập bí mật trong chiến tranh, bộ tư lệnh của binh chủng này được sáp nhập vào quân chủng không quân. Đây là lực lượng mũi nhọn để bảo vệ vùng trời khi có chiến tranh. Hiện nay binh chủng này được trang bị các loại hỏa tiễn của Nga như SA-2, SA-3, SA-6, SA-7, SA-9, SA-13, SA-14, SA-16 và đặc biệt là các loại hỏa tiễn S-300/PMU1 tối tân nhất, phân bố trong các trung đoàn (228B, 236) và tiểu đoàn hỏa lực (61, 62, 63, 64...) tên lửa (hỏa tiễn) phòng không trên toàn quốc. Tuy nhiên nếu bị tấn công một cách ồ ạt bằng phi cơ, lực lượng này không đủ khả năng chống trả vì hỏa lực phản công quá ít.

### **Kết luận**

Mặc dù chưa được trang bị với những loại vũ khí hiện đại nhất, với số lượng quân chủng và binh chủng vừa kể, quân đội cộng sản Việt Nam đủ khả năng sức bảo vệ lãnh thổ và đương đầu với bất cứ cuộc xâm lấn nào trên đất liền. Nhưng điểm yếu của quân đội cộng sản Việt Nam, ngoài yếu tố chính trị bao trùm, là trên biển và trên không. Nằm trong một khu vực chiến lược đầy tranh chấp, hải quân và không quân Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức để có thể bảo vệ một cách hữu hiệu chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng quân sự.

Song song với lực lượng bộ binh, nếu chính quyền cộng sản Việt Nam xây dựng thành công lực lượng đặc công nước và một đội tàu phóng ngư lôi xung kích hùng hậu, thì bất cứ thế lực quân sự khu vực nào muốn tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với Việt Nam, trên đất liền hay trên Biển Đông phải sờ lại gáy trước khi hành động.

**Nguyễn Văn Huy**

## 10. Thiêng liêng Yên Tử trên đỉnh non ngàn

*Lê Văn Hào*

Khu vực núi Yên Tử thuộc phần đất thị xã Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, giữa huyện Đông Triều và thành phố Hạ Long, với vịnh Hạ Long lừng danh. Đây là ngọn núi cao nhất vùng Hải Đông xưa, cũng là một kỳ quan thiên nhiên hùng vĩ của đất nước Việt Nam từ hàng ngàn năm nay. Trên đỉnh núi thường có mây mù bao phủ cho nên trước đây Yên Tử còn có tên là núi Bạch Vân.

Theo truyền thuyết địa phương, vào thời Tần Thủy Hoàng đã có một đạo sĩ Trung Quốc là Yên Kỳ Sinh tới núi này tu hành rồi hóa đá. Từ đó núi có tên là Yên Tử, một cách gọi cung kính như ta gọi Khổng Tử, Lão Tử... nhưng chỉ từ đời Trần vào thế kỷ 13 Yên Tử mới đi vào lịch sử, tôn giáo, văn hóa Việt Nam nhờ vua Trần Nhân Tông (trị vì năm 1279-1293).

Sau khi chiến thắng giặc Nguyên hung hãn, vị vua anh hùng dân tộc này đã nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông để trở thành Thái Thượng Hoàng, rồi chọn Yên Tử làm nơi tu hành và là nơi khởi xướng phái thiền Trúc Lâm, do Nhân Tông dưới pháp danh Giác Hoàng cùng hai vị sư thiền khác là Pháp Loa và Huyền Quang sáng lập : các vị được người đời tôn vinh là ba vị tổ Trúc Lâm mà Giác Hoàng là vị tổ đứng đầu. Từ đó Yên Tử trở thành một trung tâm Phật giáo lớn đẹp và nổi tiếng trong cả nước.

Từ chân núi tới đỉnh núi – nơi có chùa Đồng ở độ cao 1.068 m so với mặt biển – người ta có thể đếm được hơn 20 công trình kiến trúc tôn giáo lớn nhỏ gần xa ở hai bên đường lên xuống núi.

Ở gần mặt đất nhất có chùa Giải Oan bên suối Giải Oan, là nơi những người bị nhiều oan ức trong đời tới để



Tượng sư Giác Hoàng, đệ nhất tổ Trúc Lâm

than khóc, kêu oan. Gần đó là chùa Cẩm Thực (nhìn ả) là nơi khách hành hương có thể ghé tới phát nguyện xin chịu đói để giữ cho xác và hồn trong sạch. Xa chút nữa có chùa Lân bên suối Lân.

Qua dốc Voi Xô tới núi Hạ Kiệu ghi dấu nơi ngày xưa Trần Anh Tông lên thăm vua cha phải xuống kiệu vàng từ đây. Trong khu vực Yên Tử, nổi bật nhất có lẽ là ngôi tháp Tổ bằng đá cao sáu tầng : tháp vàng Huệ Quang này thờ sư Giác Hoàng, đệ nhất tổ Trúc Lâm, bên trong có tượng đá của cựu vương. Bên ngoài tường gạch bao quanh tháp Tổ là cả một rừng tháp đếm được tổng cộng 45 ngọn.

Sau tháp Tổ và vườn tháp, con đường lát gạch Bát Tràng trắng lệt tiếp tục đưa chúng ta lên chùa Hoa Yên nằm giữa một cụm kiến trúc gồm Viện Phù Đổ, Lâu Chuông, Lâu Trống, Nhà Dường Tăng và Nhà Khách dành cho bốn đạo mười phương.

Lên xa chút nữa, bên phải có chùa Thiền Định, nơi sư Giác Hoàng từng ngồi tham thiền tụng niệm, bên trái có chùa Một Mái, nơi nhà sư chuyên cần ngồi tụng kinh Phật và đọc sách thánh hiền.

Phía trên hai chùa này là chùa Phổ Đà. Nếu tiếp tục leo núi, chúng ta sẽ tới chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu và một số am tự khác.

Sau cùng, chót vót trên đỉnh Yên Tử là khu vực chùa Đồng, nơi có hai ngôi chùa nhỏ đúc toàn bằng đồng trông thật vững chãi dưới ánh thiếu quang như muốn thách thức với thời gian và bốn mùa mưa nắng.

Từ thời Trần cho tới ngày nay, hàng năm toàn bộ hệ thống chùa tháp, am viện của Yên Tử vẫn là trung tâm hành hương lớn đẹp nhất, thu hút hàng ngàn, hàng vạn



Cảnh núi rừng Yên Tử



Chùa Vân Tiêu



Chùa Đồng trên đỉnh núi Yên Tử



con Phật và khách du tới từ nhiều vùng miền trong và ngoài nước suốt một mùa lễ hội nô nức mà thành kính kéo dài liên tục 80 ngày xuân, từ mồng 9 tháng Giêng tới hết tháng Ba lịch âm.



Vườn tháp trên núi Yên Tử

Rõ ràng trong ý thức và trong tiềm thức của mọi chúng sinh tới với Yên Tử luôn luôn vang vọng dư âm những lời ca dao cao quý, những tư tưởng hướng thiện vĩnh hằng :

Thiền viện Trúc Lâm trên núi Yên Tử



Danh lam thắng cảnh hoành tráng bậc nhất này của đạo Phật Việt Nam đã đi vào tâm thức của các tín đồ cũng như của tất cả những ai mến mộ Đức Phật dưới mọi hình thức : tu hành, hành hương, văn cảnh, du lịch, trăng mật, nghiên cứu, chụp ảnh, quay phim...

Chùa Đồng trên đỉnh Yên Tử



*Nào ai quyết chí tu hành  
Có về Yên Tử mới đành lòng tu !*

\*

*Trăm năm tích đức tu hành  
Chưa lên Yên Tử chưa thành quả tu !*

Khách hành hương đang leo núi Yên Tử



Tăng ni và tín đồ đang lễ Phật

## Vấn đề "tam nông" tại Trung Quốc

Trần Kha

### Chính sách tam nông

Cuối tháng 1 và đầu tháng 2-2008, một cơn bão tuyết bất ngờ đổ xuống Trung Quốc làm hơn 100 triệu người bị kẹt trong các nhà ga và bến xe trong nhiều ngày. Tất cả đều là công nhân làm việc trong các xí nghiệp tại các thành phố lớn trên đường về quê ăn Tết.

Hiện tượng hàng trăm triệu người cùng một lúc mua vé xe lửa và xe đò về quê nghỉ Tết chỉ xảy ra tại Trung Quốc. Cũng nên biết tại Trung Quốc công nhân chỉ được nghỉ vài ngày phép vào dịp Tết mà thôi. Bị kẹt trong các nhà ga là một thiệt hại lớn đối với những người này vì số ngày nghỉ phép bị rút ngắn lại. Hiện nay hơn 200 triệu người từ quê ra tỉnh làm việc vì không tìm được việc làm tại nông thôn, số người này được gọi là "lưu dân" vì không có chỗ ở nhất định, nơi nào có việc làm thì họ đến, hết việc thì họ tìm nơi khác, một hình thức du mục thành thị.

Khi rời thôn quê ra thành thị, những lưu dân này đều mơ sớm thành đạt để giúp gia đình còn ở lại nông thôn, khi về quê họ sẽ được đón tiếp như một người thành công. Nhưng đó chỉ là giấc mơ, không phải ai cũng dễ dàng thành đạt nơi chốn thị thành. Vì không có nghề chuyên môn, phần lớn những công nhân gốc nông thôn này phải làm những công việc nặng nhọc với đồng lương thấp, gọi là 3 K (khó, khổ, khố) mà công nhân thành thị từ chối làm. Thêm vào đó, vì thiếu học vấn, đa số lưu dân không biết đọc và biết viết dễ bị giới chủ nhân lường gạt và coi thường, như không trả lương đúng thời hạn hay trả không đúng với mức lương đã qui định. Thất vọng, nhiều lưu dân bỏ thành phố về lại quê hương. Nhưng khi về đến nhà, với số tiền ít ỏi dành dụm được họ bị gia đình và người thân xin xỏ và rĩa rỏi. Hết tiền, họ lại rời quê lên tỉnh tìm việc, nhưng lần này ngày trở về quê hương không đặt ra nữa. Tình trạng thanh niên nam nữ từ thôn quê ra thành thị làm việc rồi biệt vô âm tín rất phổ biến. Hiện tượng người già, người tàn tật và con trẻ sống vất vưởng tại thôn quê vì không người nuôi nấng cũng rất phổ biến.

Trước kia, dưới thời Mao Trạch Đông, đời sống tại nông thôn tuy không khá giả lắm nhưng không ai lo sợ thiếu đói. Vì là giai cấp cơ bản, nông dân Trung Quốc (khoảng 70% dân số toàn quốc) rất được ưu đãi qua các chính sách cải cách ruộng đất, hợp tác xã nông nghiệp. Từ khi Trung Quốc mở cửa đón nhận đầu tư nước ngoài, nông dân Trung Quốc không còn được ưu đãi như trước, đời sống của họ xuống cấp trầm trọng : nghèo khổ và thiếu đói. Để cải hoán tình trạng này, từ giữa thập niên 1990 ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc thi hành chính sách ưu đãi nông thôn : đầu tư xây dựng và canh tân lại các cơ sở hạ tầng ở nông thôn nhằm rút ngắn khoảng cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Sau hơn mười năm áp dụng, chính sách này đã làm ngược lại những mong muốn lúc ban đầu, nghĩa là giữ thanh niên ở lại nông thôn làm việc. Trong số

hơn 200 triệu người từ thôn quê ra thành thị tìm việc, gần như tất cả đều là giới trẻ ; họ sống lang bạt kỳ hồ trên các vỉa hè thành phố mà người ta thường gọi là lưu dân. Sự hiện diện của những người này đã làm xáo trộn chính sách quản lý lao động tại Trung Quốc. Năm 2003, chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã ban hành chính sách Tam Nông (nông nghiệp, nông thôn và nông dân) nhằm đẩy nhanh tốc độ xây dựng và phát triển nông thôn. Kết quả sau 4 năm thực hiện, chính sách này đã tạo thêm một lực lượng lao động mới : lưu dân, mà công chúng gọi mỉa là Tứ Nông.

### Hiện trạng nông thôn tại Trung Quốc

Bắt chước Engels viết về "Tình hình giai cấp công nhân Anh" (1847), Mao Trạch Đông cũng viết một bài về giai cấp nhân dân tại Trung Quốc dưới tựa đề : "Điều tra tình trạng nông thôn Trung Quốc" (1930), trong đó ông mô tả cảnh nghèo khổ và bị ức hiếp của nông dân tỉnh Hồ Nam trong những năm 1925-1930.

Hơn 70 năm sau, năm 1993, hai học giả Trung Quốc (Trần Quế Đường và Xuân Đào) làm một phóng sự "điều tra tình trạng nông dân" tại nhiều nơi ở Trung Quốc. Trong đó họ kể lại những cảnh nhân dân Trung Quốc bị các cấp chính quyền địa phương ức hiếp như thế nào. Chẳng hạn như năm 1992, nông dân Đinh Tác Minh (cư dân thôn Lô Doanh, huyện Lợi Tân, tỉnh An Huy) bị bí thư chi bộ đảng ra lệnh cho công an địa phương đánh đập tới chết vì dám tố cáo ông này tham nhũng. Hay vào tháng 2-1998, 4 trong số 12 đại biểu nông dân thôn Đường Nam, huyện Cố Trấn, nghi ngờ ông phó trưởng thôn biển thủ tiền thuế thu của nông dân đã bị ông này bắn chết, một người khác bị thương nặng ; viện kiểm sát cho đây là một cuộc ẩu đả quá tay nên ông phó trưởng thôn được trắng án.

Gần đây hơn, tháng 1-2004, chính quyền Trung Quốc cho xuất bản sách "điều tra nông dân Trung Quốc", tháng 3-2004 ban tư tưởng văn hóa trung ương ra lệnh tịch thu. Đảng cộng sản không muốn cho người ngoài biết về thực trạng nông dân tại Trung Quốc, sự cực khổ và bị chèn ép không khác gì trước năm 1930.

Hiện nay nông dân Trung Quốc phải đóng rất nhiều thứ thuế. Thuế nhà nước gồm thuế nông nghiệp, thuế mục đồng, thuế đặc sản nông nghiệp, thuế chiếm dụng đất canh tác, thuế khế ước bất động sản. Vì chưa có chính sách thuế vụ thống nhất, các chính quyền hương thôn đã lợi dụng cơ hội này bắt nông dân đóng thêm các thứ thuế mới do họ ban hành. Thí dụ năm 2006 chính quyền trung ương ra lệnh không được thu thuế nông nghiệp cao hơn 7%, trong thực tế tỷ lệ thu thuế ở địa phương không hề giảm.

Ngoài ra nông dân còn phải đóng thêm rất nhiều lệ phí khác như phí giáo dục phụ gia, phí sinh đẻ có kế hoạch, phí phúc lợi, phí huấn luyện dân binh, phí sinh đẻ, phí xây dựng đường sá...

Chính sách cưỡng bức giáo dục miễn phí chính thức được áp dụng năm 1989, và được kéo dài trong 9 năm (tiểu học và trung học). Trên nguyên tắc, chi phí giáo dục do các chính quyền địa phương đảm nhiệm nhưng trong thực tế các chính quyền địa phương buộc nông dân phải đóng. Không những thế, ngoài tiền học phí, nông dân còn phải đóng thêm nhiều lệ phí khác như tiền nhiên liệu, tiền sách giáo khoa, v.v. Nhiều gia đình nghèo đành phải không cho con đến trường vì không đủ tiền để đóng các lệ phí. Trong lúc đó, lương trả cho các thầy cô ở nông thôn rất thấp nên đa số đã bỏ nghề ra thành phố làm công nhân, do đó nông thôn rất thiếu giáo viên.

Không chịu nổi bất công ngày càng lộ liễu, nhiều cuộc xuống đường chống chính quyền xảy ra khắp nơi. Năm 2005 đã có 87.000 vụ, năm 2006 có 262.655 vụ với sự tham gia của 12,3 triệu người, năm 2007 còn cao hơn nữa. Mỗi ngày có chừng 3.000 vụ nông dân phản kháng chính quyền địa phương. Phần lớn những cuộc nổi loạn của nông dân ở các vùng sâu và vùng xa đã không được truyền ra thế giới bên ngoài, vì bị ém nhem từ cấp địa phương. Một thí dụ, tháng 12-2006, một nữ nhân viên phục dịch (16 tuổi) làm việc trong một khách sạn tại thành phố Đạt Châu, tỉnh Tứ Xuyên, đã bị một cán bộ tỉnh hiếp dâm đến chết. Sau khi điều tra cảnh sát địa phương cho biết nạn nhân "uống rượu bị trúng độc chết". Bất mãn trước sự bao che này, đầu tháng 1-2007 dân chúng tràn vào khách sạn đập phá đồ đạc, cảnh sát địa phương buộc phải công bố sự thật.

### **Thực hiện chính sách Tam Nông được không ?**

Ưu tư lớn nhất của ê kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo hiện nay là nông dân. Chính sách Tam Nông được lập ra là để nâng cao mức sống của nông dân bằng cách bãi bỏ thuế nông nghiệp dự trù áp dụng trong năm 2008. Đây là một cuộc cách mạng lớn từ thời lập quốc đến nay, vì những cuộc chống đối chính quyền tại nông thôn thường vì lý do sâu cao thuế nặng.

Chính sách Tam Nông tiếp theo là áp dụng cưỡng bách giáo dục miễn phí cho nông dân. Từ trước đến nay các chính quyền địa phương thường làm tội tình nông dân vì không đủ tiền đóng lệ phí xây dựng trường học và tiền lương cho giáo viên. Để thay đổi tình trạng này, năm 2005 ê kíp Hồ Cẩm Đào nghiên cứu một dự án đến năm 2010 sẽ miễn phí toàn bộ lệ phí giáo dục cưỡng bách cho nông thôn trên toàn quốc.

Về y tế nông thôn, từ 2003 chính quyền Trung Quốc đã thành lập chế độ y liệu mới mang tên "y liệu hợp tác nông thôn". Đây là một hình thức bảo hiểm an sinh xã hội như tại các quốc gia tiên tiến, nghĩa là chính quyền nhận tiền bảo hiểm của nông dân để sau đó chi trả mọi phí tổn trị bệnh của nông dân. Theo dự định, chế độ này sẽ được từng bước áp dụng trên toàn quốc vào năm 2010. Hiện nay chế độ đang được áp dụng trong các thành phố lớn, nếu thành công sẽ tỏa rộng xuống nông thôn. Chính quyền cũng đang nghiên cứu một dự án trợ cấp những thành phần nông dân nghèo khó qua các quỹ nhà nước.

Đối với nông dân, tất cả những hứa hẹn trên chỉ là bánh

vẽ vì cuộc sống trước mắt của họ không có dấu hiệu gì thay đổi, nghĩa là rất thiếu thốn. Trong thực tế, chính sách bỏ thuế nông nghiệp đang được áp dụng tại một số địa bàn thí điểm, nhưng xã hội Trung Quốc hiện nay đang gặp một vấn nạn khác : lạm phát. Tỷ lệ lạm phát tại Trung Quốc hiện nay ngang bằng tỷ lệ phát triển kinh tế, nghĩa là khoảng 10%/năm. Trong thực tế, nông dân Trung Quốc đang chứng kiến một cách bất lực sự gia tăng giá cả phân bón, nông dược, xăng dầu.

Nói chung tất cả những mục tiêu tốt đẹp đề ra trong chính sách Tam Nông đã không giải quyết được gì trước những khó khăn trước mắt của nông dân. Việc bãi bỏ thuế nông nghiệp, giáo dục cưỡng bách miễn phí, an sinh xã hội... đã không được nông dân Trung Quốc hưởng ứng. Nạn rời bỏ thôn quê ra thành thị tìm việc ngày càng gia tăng, hiện tượng thanh niên từ những thôn làng xa xôi nằm sâu trong lục địa như Sơn Tây, Thiểm Tây, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam kéo nhau ra tìm việc tại các thành phố lớn dọc biển Đông ngày càng đông.

Trước hiện trạng này, chính quyền Trung Quốc chưa tìm ra giải pháp nhiệm mầu nào, hiện tượng ruộng vườn bị bỏ hoang ngày càng nhiều. Tình trạng ruộng đất không người cấy cấy và sản xuất nông nghiệp suy giảm đang rất phổ biến, nhất là tại các tỉnh miền Trung-Bắc Trung Quốc, tại đây đất đai vừa kém màu mỡ vừa bị sa mạc hóa vì thiếu nước. Nông dân Trung Quốc là những người sử dụng nước ít nhất thế giới : 26%.

Ưu tư chính của nông dân ra thành thị tìm được việc làm. Những công trình xây dựng lớn sử dụng nhiều nhân công hiện nay đã hoàn tất, những công ty sử dụng nhiều nhân công trong ngành may mặc đã đạt tới điểm giới hạn. Công ăn việc làm trở nên khan hiếm, sự giành giật giữa những lưu dân càng khốc liệt, số người trốn ra nước ngoài bằng mọi giá để tìm việc đang làm thế giới lo sợ. Hiện nay trên một triệu người Trung Quốc đang hiện diện một cách bất hợp pháp tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh đã chảy máu nhân lực trong nông nghiệp không ngăn chặn được, nạn ức hiếp nông dân đang gây bất mãn sâu rộng trên khắp vùng thôn quê. Số nông dân bị chính quyền địa phương lấy đất bán cho các tổ hợp xây dựng nhà cửa lên đến 60 triệu người, mỗi năm có trên 100 triệu người khiếu kiện nhà đất. Người ta đang lo sợ sự nổi loạn của nông dân, hơn 70% dân số, đòi quyền sống. Chính sách Tam Nông của chính quyền Trung Quốc hiện nay chưa phát huy hiệu lực nên đe dọa nổi loạn vẫn còn nguyên vẹn. Trong khi đó, vì thiếu sức lao động tại nông thôn, chính quyền Trung Quốc phải nhập khẩu lương thực với giá cao để nuôi một khối dân số khổng lồ đang đứng trước bế tắc : bắp, đậu nành, dầu thực vật.

Thêm vào đó, trước thềm năm Mậu Tý, thiên tai bão tuyết đã rút ngắn những ngày nghỉ phép quý hiếm của hơn 100 triệu công nhân gốc nông thôn về thăm gia đình càng làm bất mãn dân chúng. Sự phát triển bền vững của Trung Quốc có kéo dài được không là một dấu hỏi lớn khi chưa giải quyết được nạn lưu dân.

**Trần Kha** (Sagamihara)



## Thấy gì từ mô hình kinh tế Bắc Âu ?

*Nguyễn Minh*

### Thành công của chính sách toàn dụng

Giữa lúc các quốc gia phát triển phương Tây đang lo âu trước sự xuống giá của các thị trường chứng khoán, nguy cơ lạm phát có thể làm trầm trọng thêm suy thoái kinh tế, dân chúng các quốc gia Bắc Âu vui mừng trước sự phát triển bền vững và sự thành công của chính sách toàn dụng của đất nước họ. Tỷ lệ người thất nghiệp dài hạn (trên một năm) hiện nay tại bốn nước Bắc Âu thấp nhất thế giới : Thụy Điển : 1%, Đan Mạch : 0,8%, Na Uy : 0,5%, Phần Lan : 2%.

Nhờ đạt được một tam giác lý tưởng trong cấu trúc kinh tế : kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định, thị trường lao động thích ứng với toàn cầu hóa và khoảng cách giàu nghèo không quá chênh lệch, lãnh đạo các quốc gia Bắc Âu đang dẫn dân tộc họ tiến vào tương lai một cách lành mạnh.

Sự thành công này không phải tình cờ, đó là cả một quá trình cố gắng không ngừng nghỉ của các cấp lãnh đạo chính trị và giới trí thức trong nước trong việc cải thiện chính sách giáo dục và nội dung các sách giáo khoa để thanh niên các quốc gia này sau khi tốt nghiệp thích ứng ngay với những biến chuyển của sinh hoạt kinh tế toàn cầu hóa.

Cải thiện đầu tiên trong chính sách giáo dục là khơi động lại tinh thần yêu nước và phục hồi lại chương trình công dân giáo dục. Trụ cột chính của chính sách này là đội ngũ giáo sư và giảng viên phi đảng phái và đầy nhiệt tình, họ đã thay đổi những quan niệm xấu về chính trị để thân hữu hóa nhân dân với chính quyền, vì từ trước đến nay, nhất là trong thời chiến tranh lạnh, khối cộng sản Đông Âu đã không ngừng tuyên truyền chính quyền các quốc gia Bắc Âu tiếp tay với tư bản để bóc lột chính dân tộc họ. Nhiều người đã nghe theo và xa lánh chính quyền, nhiều người còn sẵn sàng chống lại chính quốc gia của họ. Phục hồi lại công dân giáo dục là ưu tiên hàng đầu.

Cải thiện thứ hai là sửa đổi lại chương trình giáo khoa để không đào tạo ra những người vô tích sự và sẵn sàng tham gia ngay vào sự cạnh tranh quốc tế. Tuy không làm rùm beng hay quảng cáo ồ ạt, những trung tâm đào tạo sau tú tài tại các quốc gia Bắc Âu nổi tiếng thực dụng nhất thế giới. Tiếp nối truyền thống phiêu lưu của các bậc cha anh, người Bắc Âu hiện nay có mặt khắp nơi và dẫn đầu nhiều thị trường béo bở nhất thế giới : điện thoại cầm tay (Nokia), trang trí nội thất (Ikea), v.v.

Cải thiện thứ ba là tạo ra những cơ hội để gần gũi với người dân. Thật vậy, chưa một quốc gia nào tạo được sự gần gũi giữa dân chúng với chính quyền như tại các quốc gia Bắc Âu. Không một chính sách hay qui định mới nào của chính quyền mà người dân không biết, hay chưa được tham khảo triết để. Nhờ những thông tin liên tục này mà người dân lúc nào cũng sẵn sàng ủng hộ hay tán đồng các chính sách cải thiện đời sống của chính quyền. Tạo sự tin tưởng giữa nhân dân và chính quyền là một trong những

yếu tố thành công của các chính quyền Bắc Âu. Không một cơ hội hay một sinh hoạt công cộng nào mà không có mặt những nhân vật dân cử, đặc biệt là giới phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ tham chính tại các quốc gia Bắc Âu cao nhất thế giới.

### Đánh thuế cao để duy trì mức sống cao

Dân chúng các quốc gia phát triển phương Tây không hiểu nổi khẩu hiệu (slogan) đánh thuế cao để duy trì mức sống cao của người Bắc Âu. Đối với họ, hệ luận tất yếu của đánh thuế cao là mức sống thấp vì sức mua bị suy giảm, nhưng lý luận này đã không đúng với trường hợp Bắc Âu. Mặc dù phải đóng rất nhiều thứ thuế cao hơn các nơi khác, đặc biệt là thuế lợi tức, mức sống của người Bắc Âu thuộc vào hạng cao nhất thế giới. Phần lớn các thứ thuế này không đánh trên hàng hóa mà trên thu nhập của từng cá nhân và từng gia đình.

Người Bắc Âu lý luận rằng nếu hôm nay họ đóng thuế cao (khoảng 50% lợi tức) thì ngày mai chính quyền sẽ lo cho họ và gia đình khi đau yếu, già cả, bệnh tật, thất nghiệp hay gặp thiên tai. Chưa dân tộc nào tin tưởng vào chính quyền của họ như người Bắc Âu. Mọi người đều tin rằng mục đích của bất cứ nhân vật chính trị nào cũng là mang lại sự ấm no và hạnh phúc cho toàn dân : bảo đảm mức sống cao, chăm sóc trẻ em và người già. Nếu người này không làm được thì người khác sẽ đứng ra thực hiện. Người lần này thất cử thì họ sẽ cố gắng suy nghĩ, tìm tòi một phương án khác thuyết phục với hy vọng được dân chúng tín nhiệm lại trong nhiệm kỳ sau. Dân chủ đối với người Bắc Âu chỉ giản dị là thế, họ đã thành công và thành công lớn.

Hơn nữa khi cùng đóng thuế, mọi người đều cảm thấy bình đẳng. Người đóng thuế cao cảm thấy mình mang lại lợi ích cho xã hội. Người có lợi tức thấp không có mặc cảm nhận bố thí khi được tài trợ vì họ cũng đóng thuế như mọi người khác, khi gặp khó khăn những đại diện xã hội đến giúp đỡ họ là chuyện bình thường. Chính nhờ tâm lý này mà mọi người đều cố gắng làm việc, làm việc nhiều hơn nếu có thể để có thêm lợi tức và để xã hội có thêm phương tiện để mang lại phúc lợi đến cho nhiều người hơn. Càng làm việc càng có tiền, càng có tiền càng có mức sống cao. Càng có mức sống cao, xã hội càng phát triển và tạo thêm cơ hội để mọi người có thêm việc làm và thu nhập.

Một đặc điểm khác của xã hội Bắc Âu là không có phong trào đòi tăng lương bất chấp thiệt hại gây ra cho xã hội và kinh tế quốc gia như tại các quốc gia Tây Âu. Đối với họ, công việc nào cũng có đồng lương tương ứng. Việc làm càng tri thức, càng cực nhọc thì càng được trả lương cao. Chính sách lương bổng thể hiện qua trách nhiệm và chức vụ đảm nhiệm, không ai tị hiềm về đồng lương. Đây là một thành công lớn trong tổ chức xã hội, vì mặc dù sống gần các quốc gia cộng sản mà sự giàu có là một tội lỗi, các

dân tộc Bắc Âu đều cố gắng làm giàu, cho chính họ và sau đó cho xã hội. Chính sách lương bổng này cũng là yếu tố kích thích ý kiến và sáng kiến, càng cố gắng xã hội càng phát triển, trong đó có gia đình và con cháu họ. Ngoài sự lạnh lẽo vì gần Bắc Cực, đời sống tại các quốc gia Bắc Âu hiện nay rất là sung túc.

### **Thuế cao không ảnh hưởng đến phát triển kinh tế**

Khác với các quốc gia phát triển khác, các chính quyền Bắc Âu chỉ đánh thuế cao trên lợi tức chứ không trên hàng hóa. Những chính quyền này không mị dân nên không bị sa vào cạm bẫy hình thức.

Tại các quốc gia Tây Âu, để lấy lòng cử tri khi tranh cử những nhà chính trị đều hứa hẹn thiên đàng : giảm thuế lợi tức, gia tăng trợ cấp xã hội, v.v. Khi đắc cử không ai thực hiện được những hứa hẹn trước đó vì... không có tiền. Số nợ của các quốc gia Tây Âu vay mượn để thực hiện những chương trình phúc lợi công cộng đã đạt tới giới hạn chịu đựng, không thể vay mượn thêm nữa. Để có thu nhập, chính quyền các quốc gia Tây Âu tăng thuế gián tiếp đánh trên hàng hóa và dịch vụ hàng ngày : thuế trị giá gia tăng, phụ phí xăng dầu, chuyên chở, v.v. Cuối cùng, để có ngân sách và cũng để tránh bất mãn của cử tri, các chính quyền phương Tây đã làm giá cả hàng hóa gia tăng bởi các thứ thuế gián tiếp. Sự trì trệ kinh tế và khủng hoảng xã hội tại các quốc gia phát triển phương Tây có nguồn gốc phát xuất từ điểm này. Trong một nền kinh tế toàn cầu hóa, giá thành sản phẩm quyết định ổn định xã hội và sự phồn vinh.

Trong bài toán khó khăn này, các quốc gia Bắc Âu đã tìm giải đáp đúng. Mặc dù vẫn đánh thuế cao, nền kinh tế của họ vẫn tăng trưởng đều đặn, nếu không muốn nói là cao so với các quốc gia trong khu vực : trên 3%/năm. Hàng hóa sản xuất ra ngay tại chính các quốc gia Bắc Âu không những chiếm lĩnh thị trường các quốc gia Tây Âu mà còn đánh bại luôn cả hàng hóa sản xuất tại các quốc gia nổi tiếng là có giá thành thấp. Lấy trường hợp công ty đa quốc gia Ikea, ngoài những loại hàng đặt gia công tại các quốc gia đang phát triển, hàng hóa sản xuất tại Thụy Điển vừa có phẩm chất cao vừa có giá thành hạ. Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu tại các quốc gia Bắc Âu tương đương 50% thu nhập quốc gia. Thêm vào đó, tỷ lệ đánh thuế lợi tức cao không ảnh hưởng đến giá thành của hàng hóa nên tỷ lệ lạm phát tại các quốc gia Bắc Âu gần như không có.

Đến đây thì các xã hội Bắc Âu lâm vào một cái vòng lẩn quẩn tốt : do không có lạm phát nên nhu cầu đòi tăng lương gần như không có, nhờ là tăng tiền lương không tăng giá thành sản phẩm không tăng, nhờ đó dư sức cạnh tranh với hàng hóa sản xuất tại bất cứ các quốc gia nào, kể cả Trung Quốc, nơi sản phẩm có giá thành thấp nhờ trả lương thấp. Nhờ có thêm lợi tức, giới chủ nhân càng đầu tư vào nghiên cứu để sản xuất những sản phẩm mới có tính kỹ thuật cao. Sản phẩm càng có tính kỹ thuật cao càng dễ chiếm lĩnh thị trường và càng ít bị cạnh tranh, lợi tức càng cao. Nhờ duy trì được sức mạnh cạnh tranh này, những kế hoạch sa thải công nhân hàng loạt không đặt ra. Tỷ lệ thất nghiệp tại các quốc gia Bắc Âu hiện nay thuộc loại thấp

nhất thế giới, dưới 4%. Đây là con số lý tưởng vì thấp hơn, xã hội sẽ lâm vào tình trạng thiếu hụt nhân công. Con số 4% này nhằm thay thế những người mất khả năng lao động bất ngờ như chết, bị ốm đau hay đến tuổi về hưu. Ngoài ra còn phải kể thêm quan hệ giữa các nghiệp đoàn với giới chủ nhân rất là tốt đẹp, cũng nên biết 80% công nhân trong các xí nghiệp Bắc Âu đều tham gia nghiệp đoàn. Các nghiệp đoàn có vai trò cố vấn giới chủ nhân trong việc thăng tiến lao động.

### **Áp dụng mô hình này vào Việt Nam được không ?**

Câu hỏi này thoạt đầu có vẻ như châm biếm, nhưng nếu được phân tích rõ ràng hơn có thể thực hiện được.

Sự ngạc nhiên lúc ban đầu có thể hiểu được vì các quốc gia giàu có phương Tây và kể cả Mỹ, Nhật Bản và Đại Hàn đều rất muốn thực hiện mô hình kinh tế toàn dụng này đã không làm được. Mô hình tổ chức xã hội của các quốc gia này đã thành nề nếp, không thể một sớm một chiều có thể cải tổ để thích ứng kịp. Lý do là dân chúng tại các quốc gia này đã quen với những hứa hẹn mị dân của những ứng cử viên nên không chấp nhận đóng thuế lợi tức cao, do đó các chính quyền buộc phải gia tăng các khoảng thuế gián tiếp để có ngân sách điều hành và tài trợ các chương trình xã hội. Vấn đề là càng đánh thuế gián tiếp cao, sản phẩm làm ra rất khó cạnh tranh vì các khoảng thuế đó góp phần nâng cao giá thành, cuối cùng người tiêu thụ gánh chịu.

Đối với Việt Nam, vì còn là một quốc gia kém phát triển, tất cả mọi mô hình phát triển kinh tế đều đáng quan tâm. Riêng về mô hình phát triển kinh tế Bắc Âu, môi trường kinh tế Việt Nam có thể thực hiện được vì tất cả đều phải bắt đầu lại từ điểm khởi hành. Người Việt Nam chưa quen đóng thuế lợi tức, do đó mọi phương pháp thi hành rất đáng được bàn cãi. Tỷ lệ phát triển kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, do đó có thể hoạch định những dự án lâu dài. Việt Nam dư thừa sức lao động, hơn nữa rất sẵn sàng hội nhập vào môi trường toàn cầu hóa nên sẽ không gặp trở ngại. Cuối cùng là khoảng cách giàu nghèo, hiện nay tuy có phần lộ liễu nhưng nếu có một chính quyền dân cử lương thiện hiện tượng này sẽ giảm hẳn. Vấn đề là chừng nào có dân chủ và làm sao hạn chế được tham nhũng, lạm phát và khiếm dụng nhân công.

Trên nguyên tắc, một nền kinh tế phát triển mang lại phúc lợi cho toàn dân không thể để mức lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp vượt quá 4%. Những bó buộc này có thể vượt lên được vì các thứ tiền đầu tư vào Việt Nam kể cả ODA và FDI đều tăng lên trên hai con số (từ 20% đến 50%), đặc biệt ngoại hối do Việt kiều gửi về nước trong năm 2007 đã tăng 200%, lên đến 10 tỷ USD. Ba biện pháp để củng cố một nền kinh tế ổn định là xây dựng con người, đầu tư vào hạ tầng cơ sở và mở rộng các ngành kinh tế mũi nhọn (ngoài khả năng gia công quần áo, giày dép, bao bì, lắp ráp) đang được xây dựng. Khuyết điểm chính của Việt Nam hiện nay là giáo dục và đội ngũ giảng dạy, tất cả vẫn còn bị đảng cộng sản kềm chế và quan điểm chính trị vô sản và chuyên chính vẫn còn bao trùm.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

## Mc Caine, tổng thống tương lai của Hoa Kỳ ?

Cuộc tuyển cử sơ bộ ngày "Thứ ba lớn" 5-2-2008 tại 24 tiểu bang Hoa Kỳ đã không đưa tới kết quả dứt khoát về phía đảng Dân Chủ, nhưng nó đã gần như khẳng định Mc Caine sẽ là ứng cử viên của đảng Cộng Hòa trong cuộc tranh cử tổng thống Mỹ vào tháng 11 sắp tới.

Những cuộc bầu cử sơ bộ này có mục đích để cho các đảng viên thuộc hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ chọn ứng cử viên tổng thống của đảng họ. Hai đảng này tổ chức bầu cử theo hai thể thức khác nhau. Đảng Cộng Hòa bầu cử một cách giản dị : ứng cử viên nào được số phiếu cao nhất tại một bang thì được toàn bộ số phiếu của các đại biểu đảng của bang đó trong đại hội đồng. Đảng Dân Chủ chọn một công thức phức tạp hơn : ứng cử viên có số phiếu cao nhất chỉ được "thưởng" một số đại biểu nhất định, số đại biểu còn lại được phân phối cho mọi ứng cử viên theo tỷ lệ số phiếu mà họ nhận được.

Về phía đảng Dân Chủ, cho đến cuối tháng 1-2008, bà Hillary Clinton, đang dẫn đầu tổng số đại biểu sẽ về dự đại hội đảng nhưng bà bị đối thủ là Barack Obama theo sát, nhưng cả hai đều còn ở xa số đại biểu cần có để được chỉ định làm ứng cử viên tổng thống. Có nhiều triển vọng bà Clinton sẽ thắng vì những bang chưa tổ chức bầu cử sơ bộ có vẻ thuận lợi cho bà.

Theo các thăm dò dư luận thì dù là bà Hillary Clinton hay ông Barack Obama, tổng thống Mỹ tương lai cũng sẽ là một người thuộc đảng Dân Chủ nếu cuộc bầu cử tổng thống diễn ra ngay bây giờ. Hillary Clinton sẽ thắng Mc Caine với tỷ số 42/40 (phần còn lại chưa quyết định) trong khi Obama còn thắng Mc Caine một cách rõ rệt hơn, với tỷ số 47/40. Hai trở ngại chính của Mc Caine là tuổi già (ông đã 71 tuổi) và đảng tịch. Người Mỹ không có khuynh hướng bầu liên tục hai vị tổng thống thuộc cùng một đảng.

Tuy vậy, từ nay tới ngày bầu cử tổng thống Mỹ còn 9 tháng nữa và chọn lựa của cử tri có thể thay đổi. Mc Caine có nhiều triển vọng trở thành tổng thống Mỹ sau George W. Bush. Sau 16 năm dưới các tổng thống trẻ, Bill Clinton và George W. Bush mà đặc điểm là tránh gian lao nguy hiểm (Clinton trốn lính, George W. Bush gần như là lính kiểng, lính cậu), người Mỹ có thể nhận ra là tinh thần dân tộc của họ đã bị suy giảm và đã đến lúc phải bầu một tổng thống xứng đáng hơn về mặt đạo đức và thành tích. Mc Caine là một biểu tượng của sự dũng cảm, đã vào sinh ra tử nhiều lần để phục vụ nước Mỹ. Tuổi già của ông cũng có thể được bù lại dễ dàng bằng tác phong hùng tráng. Mc Caine là một anh hùng.

Một lý do khác là người Mỹ ngày càng ý thức rằng họ phải có một tổng thống hiểu biết về thế giới. Về điểm này thì Mc Caine hơn hẳn bà Clinton và vượt xa Obama.

Một lý do quan trọng khác có thể đóng vai trò quyết định trong cuộc bầu cử này là Iraq. Lập trường của Mc Caine về vấn đề Iraq rất rõ rệt : "Can thiệp quân sự vào Iraq là một sai lầm, nhưng đã vào Iraq rồi mà tháo chạy còn là một sai lầm lớn hơn". Khác với các ứng cử viên tổng thống khác, Mc Caine không những không chủ trương rút quân Mỹ khỏi Iraq

mà còn chủ trương tăng cường. Tình hình Iraq đang ổn định nhanh chóng,



người Mỹ có thể đã sai lầm nhưng họ quá mạnh và đang thắng tại Iraq. Các ứng cử viên Clinton và Obama đều chủ trương rút quân khỏi Iraq và có thể sẽ rất bối rối.

Sau cùng, lợi thế của Mc Caine có thể đến từ chính các đối thủ của ông. Người Mỹ chưa sẵn sàng để bầu một phụ nữ như Hillary Clinton, hay một người da đen như Obama làm tổng thống. Trong trường hợp bà Clinton, có thể cử tri còn không muốn thấy ông chồng Bill Clinton của bà trở lại tòa Nhà Trắng sau những việc xằng bậy ông đã làm trong tòa nhà có tính biểu tượng này với nước Mỹ.

Nguyễn Sơn Bá

## Nhiều quốc gia châu Phi da đen có thể tan rã

Nước Kenya bầu tổng thống ngày 27-12-2007, và tổng thống Mwai Kibaki được tuyên bố tái đắc cử. Ứng cử viên đối lập Raila Odinga lập tức phản đối, cho rằng Kibaki đã gian lận, chính ông mới đắc cử. Các quan sát viên quốc tế đều nhìn nhận cuộc bầu cử đã có gian trá tại nhiều nơi. Kibaki bắt chấp, phe Odinga xuống đường phản đối. Cảnh sát, quân đội đàn áp. Thế là hai bộ lạc Kikuyu (của Kibaki) và Luo (của Odinga) tàn sát nhau. Kịch bản và kỹ thuật của hai bên không khác gì nhau : ở những miền người Kikuyu chiếm đa số thì họ xách dao phát rừng đi chém người Luo, và ngược lại. Kết quả là mọi người tìm cách chạy trốn về vùng mà sắc dân mình chiếm đa số.

Cựu tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Koffi Anan được cử tới hòa giải nhưng không làm gì được. Kibaki không chịu bỏ chức tổng thống trong khi Odinga không chấp nhận một chức vụ nào nếu Kibaki vẫn là tổng thống. Sau một tháng đã có trên một ngàn người bị giết, rất nhiều người bị thương và 300.000 người di tản. Giải pháp hợp lý nhất là tách nước Kenya ra làm hai cho hai bộ lạc. Sẽ rất đáng tiếc vì diện tích và dân số hiện nay, trên nửa triệu km<sup>2</sup> và gần 30 triệu dân, Kenya là một quốc gia có nhiều tài nguyên và đầy triển vọng, đặc biệt là du lịch.

Tại Tchad (1.300.000 km<sup>2</sup>, 6 triệu dân), nội chiến bộ lạc kéo dài từ 30 năm nay cũng bắt ngờ nổ ra dữ dội. Một liên minh nổi loạn từ biên giới Sudan vượt gần 1.000 km tấn công vào thủ đô N'djamena, gây tàn phá khủng khiếp trước khi bị đẩy lùi. Chính quyền của tổng thống Idriss Deby chỉ tồn tại nhờ sự che chở của quân đội Pháp.

Nước Sudan (2.500.000 km<sup>2</sup>, 30 triệu dân), địa điểm xuất phát của loài người, cũng lâm vào thảm kịch nội chiến từ hơn 20 năm nay. Lý do nội chiến ở đây là tôn giáo. Tập đoàn cầm quyền đặt một chính quyền Hồi giáo toàn nguyên và gặp sự chống đối dữ dội của các tôn giáo khác, đặc biệt là tín đồ Thiên Chúa giáo tại vùng Tây-Nam. Nội chiến đã làm thiệt mạng hơn một triệu người. Darfur đang là một thảm kịch chất vấn lương tâm thế giới.

Kenya, Tchad, Sudan chỉ là ba trường hợp điển hình. Nội chiến ở những mức độ khác nhau, gần như là tình trạng chung của mọi quốc gia châu Phi da đen.

Nguyên nhân trực tiếp của thảm kịch châu Phi là chế độ tổng thống. Chế độ này tập trung quyền lực trong tay một người và rất dễ đưa tới độc tài, bởi vì ý thức dân chủ còn rất mờ nhạt, ngay cả nơi những người cầm quyền. Mặt khác, không có quốc gia châu Phi nào có chủng tộc thuần nhất, tất cả mọi quốc gia đều là kết quả của sự phân chia tùy tiện của các cường quốc thực dân cũ bao gồm nhiều sắc tộc khác nhau, chế độ độc tài có nghĩa là sự thống trị của một sắc dân trên các sắc dân khác, một sự thống trị còn dã man hơn ách thống trị thực dân, ít ra cũng văn minh hơn. Nội chiến không thể tránh khỏi bởi vì những sắc dân bị trị không còn gì để mất. Chế độ tổng thống tự nó đã là một chế độ rất dở, nhưng không ở đâu nó tồi tệ bằng ở châu Phi.

Nguyên nhân gián tiếp, nhưng cơ bản hơn, là các nhà nước châu Phi đều thiếu ý thức quốc gia, nghĩa là nguyện vọng xây dựng và chia sẻ một tương lai chung, coi đất nước là của mọi người. Thành phần cầm quyền luôn luôn coi đất nước là quyền sở hữu của riêng họ, coi sự bóc lột và chà đạp dân chúng như một điều tự nhiên.

Nhiều nhà phân tích cho rằng thảm kịch của châu Phi ở chỗ họ là những người hoang dại, bị áp đặt một tổ chức nhà nước dân chủ mà họ hoàn toàn không biết tới. Lập luận này chỉ đúng một mức độ : vấn đề cốt lõi là họ đã không có một cơ chế chính trị cho phép học tập dân chủ và cũng thiếu những người lãnh đạo hiểu thế nào là một quốc gia và muốn xây dựng một quốc gia. Trong trường hợp đó thì bất cứ một thể chế nào cũng sẽ chỉ đem đến áp bức. Vả lại, các nước châu Phi chưa từng thực sự muốn thử nghiệm dân chủ. Nếu một nước châu Phi may mắn có được những người lãnh đạo thực sự muốn xây dựng một quốc gia dân chủ tình hình có thể sẽ rất khác.

**Nguyễn Sơn Bá**

## **Lê Thị Công Nhân trong nhà tù**

Theo tin từ thân nhân, luật sư Lê Thị Công Nhân đã bị chuyển về trại tù số 5, thuộc tỉnh Thanh Hóa, từ ngày 3-1-2008. Khi đến đây, Công Nhân đã lập tức đã lập tức được đưa vào trạm y tế vì bị ngất xỉu sau gần một tuần lễ tuyệt thực từ khi còn ở trại B14, thường được gọi là nhà tù Thanh Liệt. Lý do khiến Công Nhân tuyệt thực là sự sách nhiễu hàng ngày của những nữ tù nhân giam chung do sự xúi giục của công an. Một lý do khác là trại đã chỉ cung cấp những đồ ăn thiu thối làm Công Nhân và một số đồng cảnh bị tiêu chảy.

Ngày 7-1-2008, bằng Trần Thị Lệ và bà Lê Minh Tâm, mẹ và em gái của Công Nhân, đã được phép vào thăm Công Nhân. Theo lời khuyên của thân nhân, Công Nhân đã chấm dứt tuyệt thực để dùng cơm đầu tiên với mẹ và em gái.

Trại số 5, một trong những nhà tù của tỉnh Thanh Hóa, trước đây được biết tới như là nhà tù Thanh Cẩm, gồm nhiều phân trại. Công Nhân bị giam giữ trong một phân trại dành cho phụ nữ cùng với 60 người khác, tất cả đều là thường phạm. Tại đây Công Nhân không còn bị đồng cảnh sách nhiễu như

trước, nhưng ngược lại điều kiện giam cầm vẫn còn rất tồi tệ. Một trong những điều xúc phạm tới phẩm giá con người, đặc biệt là đối với phụ nữ, là các tù nhân không có nhà tắm, họ phải tắm trần trổng giữa trời. Đây không phải là sự thiếu phương tiện của trại bởi vì quây một khu bit lá cho các nữ tù nhân tắm hoàn toàn không tốn kém, các tù nhân cũng có thể tự làm lấy nếu được phép của ban quản giáo. Đây là một biện pháp hạ nhục để bẻ gãy ý chí chống đối.

Ngày 1-2-2008, mẹ, chị và em gái Công Nhân lại vào thăm cô một lần nữa và họ đã phải nài nỉ rất nhiều mới được phép gặp Công Nhân trong vòng 15 phút. Theo qui luật thì mỗi tháng các tù nhân được gặp gia đình một lần trong vòng một giờ. Đủ mọi lý do đã được viện ra để từ chối lần thăm nuôi này. Trước hết ban quản giáo nói rằng bà Trần Thị Lệ đã được gặp Công Nhân lần trước rồi. Sự thật thì bà Lệ đã chỉ dẫn đường cho một phái đoàn mục sư Tin Lành được phép vào gặp Công Nhân tới trại chứ bản thân bà không gặp Công Nhân. Lý do này không ổn, ban quản giáo lại đưa ra một lý do khác là lần thăm nuôi trước diễn ra vào ngày 7-1-2008, đến ngày 1-2-2008 chưa đủ 30 ngày. Sau khi bà Lệ nói rằng bà đã được giải thích là được thăm con mỗi tháng một lần và có thể trước hay sau hạn kỳ 30 ngày một vài ngày. Lý do cuối cùng là Công Nhân đã vi phạm kỷ luật vì đã tự tiện cho một nữ tù nhân khác một cái chăn, hành động nhân đạo này bị coi là một vi phạm nặng nội qui của trại giam. Sau cùng thì bà Lệ, chị và em Công Nhân được phép gặp Công Nhân chỉ trong vòng 15 phút thay vì một giờ. Họ không có chọn lựa nào khác ngoài chấp nhận thỏa hiệp.

Thật đáng buồn, sự dằn dụa con người không những chỉ gây đau khổ cho người bị dằn dụa, nó còn làm mất nhân tính của những người giám thị trại giam đảm nhiệm công việc dằn dụa, và họ trở thành ác độc ngay cả khi không bị bắt buộc phải làm điều ác.

**Nguyễn Sơn Bá**

## **Trần Khải Thanh Thủy được trả tự do**

Phiên tòa chớp nhoáng ngày 31-1-2008 đã xử nhà văn nữ Trần Khải Thanh Thủy 9 tháng 10 ngày tù. Đó cũng là thời gian mà bà Thanh Thủy đã bị giam giữ. Bản án này có nghĩa là Trần Khải Thanh Thủy được trả tự do ngay sau đó, chỉ có một mục đích là xóa một hành động bất người tùy tiện.

Trần Khải Thanh Thủy bị bắt ngày 21-4-2007 tại một quán café-internet. Đây có vẻ như một vụ ngăn chặn thông tin bình thường như đã từng xảy ra với nhiều người khác. Nhưng khi Trần Khải Thanh Thủy bị đưa về đồn công an và giải về nhà để nghe đọc lệnh bắt và khám nhà thì tình hình thay đổi hẳn. Việc bắt Trần Khải Thanh Thủy là một phương án đã được dự trù và có văn bản hẳn hoi. Trần Khải Thanh Thủy bị buộc tội tuyên truyền chống nhà nước, hoạt động lật đổ chính quyền, toàn là những tội tày trời có thể khiến bị can bị xử tội cả chục năm tù.

Tại sao đã có lệnh bắt mà không bắt, lại rình rập sự vào một quán café-internet rồi mới bắt ? Phải chăng là để hù dọa những người đang sử dụng internet ?

Trần Khải Thanh Thủy lúc đó đang mắc hai bệnh nặng

: tiểu đường và lao. Bà không tham gia một tổ chức chính trị nào, chỉ viết báo đòi dân chủ và giúp đỡ những người dân oan đang khiếu kiện vì bị cưỡng đoạt nhà đất. Bà bị giam giữ tại trại Thanh Liệt, Hà Nội, trong những điều kiện cực kỳ vô nhân đạo. Bà bị giam trong một phòng rất nhỏ cùng với một nữ tù thường phạm khác, mùa hè khi nhiệt độ lên trên 40°C, căn phòng là một lò lửa, mùa đông khi nhiệt độ xuống dưới 7°C vẫn phải ngủ trên nền xi măng lạnh. Trong suốt thời gian giam cầm, Trần Khải Thanh Thủy không được gặp chồng con và cũng không được liên hệ bằng thư từ.

Ngày 29-1, Trần Khải Thanh Thủy được trại giam thông báo là ngày 31-1-2008 bà sẽ phải ra hầu tòa. Trần Khải Thanh Thủy hỏi gia đình bà đã được thông báo chưa và được trả lời: "Chúng tôi xử chị chứ không xử gia đình chị, gia đình chị không cần biết". Thanh Thủy đòi được có luật sư bào chữa, trả lời: "Nếu chị muốn có luật sư thì phải đợi thêm 6 tháng nữa, còn nếu chị nhận ra tòa ngay thì sẽ bị xử từ 9 tới 12 tháng tù thôi và sẽ được trả tự do ngay". Không có giải pháp nào khác ngoài việc chấp nhận thứ công lý sắp xếp này.

Vụ án được xử công khai trong một phòng nhỏ, ngoài các thẩm phán đã được thông báo trước bản án mà họ phải đọc, có bị can Trần Khải Thanh Thủy, anh Đỗ Bá Tân, chồng Thanh Thủy, và Thủy Tiên, con gái, và khoảng 20 công an. Trần Khải Thanh Thủy chỉ bị buộc tội phá rối trật tự công cộng.

Ngay sau khi được trả tự do, Trần Khải Thanh Thủy tuyên bố sẽ tiếp tục đấu tranh cho dân chủ. Bà nhìn nhận đã viết và ký những bản nhận tội và cam kết nhưng giải thích: tôi làm tất cả những gì cần làm để ra khỏi nhà tù để tiếp tục tranh đấu. Những gì tôi đã viết và ký trong nhà tù không có giá trị.

**Nghiêm Văn Thạch**

## **Đình công có thể phát triển qui mô hơn**

Ngày 30-1-2008, khoảng 10.000 công nhân công ty Keyhinge Toys, một công ty sản xuất đồ chơi tại Đà Nẵng, với 100% vốn Hongkong, đã đình công đòi gia tăng tiền thưởng vào dịp Tết và số ngày nghỉ Tết. Đây là cuộc đình công lớn nhất tại Đà Nẵng từ trước tới nay. Các công nhân cho hay nhiều người ở rất xa Đà Nẵng, có người ở tận Thái Nguyên, với số ngày nghỉ Tết quá ngắn (3 ngày) và số tiền thưởng quá ít họ không thể về thăm gia đình. Công ty Keyhinge Toys, cách đây 10 năm, đã từng bị nhiều tổ chức thiện nguyện tố giác là bóc lột công nhân.

Cũng tại Đà Nẵng, hơn 700 công nhân công ty Siranan đã đình công đòi tăng mức tiền thưởng Tết, sau khi công ty tuyên bố chỉ cho công nhân một khoảng tiền thưởng 500.000 VND (30 USD), không bằng một tháng tiền lương tối thiểu.

Phong trào đình công có khuynh hướng lan xuống phía Nam. Báo *Tiền Phong* đưa tin hơn 500 công nhân công ty hải sản Cafatex tại Hậu Giang cũng đình công đòi tăng tiền thưởng Tết. Mặt khác, hàng ngàn công nhân hãng đóng tàu Hyundai-Vinashin tại Khánh Hòa cũng đình công đòi tăng lương.

Những vụ đình công đòi tăng lương và tiền thưởng trong dịp Tết này không phải là một biến cố nhất thời như người ta có thể tưởng. Chúng báo hiệu sự chín muồi của một hiện

tượng đã bắt đầu từ hơn hai năm qua và bộc lộ một cách rõ rệt trong dịp Tết năm nay: đòi sống nhân dân sa sút. Từ 2005, mức gia tăng giá cả đã cao hơn mức gia tăng của lương bổng và lợi tức. Điều này có nghĩa là sức mua của người dân liên tục giảm trong hơn hai năm qua. Sự suy giảm này đã trở nên đặc biệt nghiêm trọng trong 6 tháng vừa qua.

Một bằng chứng: Tổng Cục Thống Kê đã thay đổi một cách quan trọng ước lượng về lạm phát. Trong tháng 12-2007, chỉ số gia tăng vật giá được ước lượng từ 8 đến 9%. Chỉ một tháng sau, con số này được "điều chỉnh" lại là 14%, một khác biệt quá lớn.

Tuy vậy, 14% chỉ là mức gia tăng tổng quát của vật giá, trong đó bao gồm cả những sản phẩm và dịch vụ mà người dân bình thường không biết tới như điện thoại di động, máy vi tính. Những nhu yếu phẩm của quần chúng như thực phẩm, quần áo, tiền thuê nhà, tiền học đã tăng nhanh hơn nhiều. Nếu hỏi người dân ở Hà Nội và Sài Gòn, họ sẽ trả lời là vật giá tăng vọt ít nhất 50% trong một năm qua, có người nói là vật giá tăng gấp đôi, trong khi thu nhập của họ vẫn như trước hoặc chỉ tăng một cách không đáng kể.

Hãy lấy một thí dụ: tô phở là một đại diện khá trung thành của vật giá vì bao gồm cả gạo, thịt, rau, năng lượng, tiền thuê nhà, v.v. Giá một tô phở đã tăng gần gấp đôi trong vòng một năm qua.

Cuộc sống sa sút dần dần và người dân nói chung vẫn nhẫn nại chịu đựng, nhưng sự nghèo khổ đã lộ diện vào dịp Tết, khi mà mọi gia đình bắt buộc phải mua sắm. Đợt đình công này báo hiệu một tương lai gần rất sôi động. Sự bất mãn đã tích lũy và càng khó chấp nhận khi kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng ở mức độ khả quan, khoảng 8%. Không cần được các chuyên gia kinh tế chỉ dẫn, người dân ngoài đường phố cũng hiểu rằng khi đời sống của họ sa sút mặc dù kinh tế vẫn tăng trưởng mạnh thì chỉ có giải thích là tăng trưởng kinh tế đã chỉ làm lợi cho một thiểu số được ưu đãi.

Chính quyền sẽ đương đầu với tình trạng khó khăn này như thế nào? Các chỉ dấu hiện nay cho thấy là họ chọn giải pháp đàn áp. Công an theo dõi để phát hiện những âm mưu đòi thành lập công đoàn độc lập và những người có khả năng rủ rê công nhân đứng dậy tranh đấu. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vừa ra một chỉ thị qui định các công nhân tham gia đình công sẽ phải làm bù cho chủ nhân những ngày đình công, hoặc sẽ bị cắt lương. Nhưng lần này rất có thể bạo lực sẽ không khuất phục được một quần chúng đã bị đẩy tới sát chân tường.

**Nguyễn Sơn Ba**

## **Coi chừng cạm bẫy Paltalk**

Ngày 29-1-2008 tòa án nhân dân Sài Gòn đã xử một bản án rất nặng đối với một thanh niên ít ai biết đến: Trương Quốc Huy. Người ta biết đến Trương Quốc Huy lần đầu khi người thanh niên này bị bắt ngày 19-10-2005 giữa lúc đang cùng bè bạn tham gia một cuộc hội luận trên diễn đàn Paltalk (Paltalk là một dụng cụ tin học cho phép nhiều người thảo luận với nhau bằng máy vi tính qua mạng internet). Sau khi bị giam giữ gần 9 tháng, Huy và bạn bè được trả tự do ngày

7-7-2006. Hơn một tháng sau, ngày 18-8-2006, Trương Quốc Huy lại bị bắt và bị giam giữ cho tới khi ra tòa lãnh án 6 năm tù.

Nhưng Trương Quốc Huy là ai và đã làm gì ? Trường hợp của anh giống như một sự kiện xã hội hơn là một vụ chính trị. Sinh năm 1980, Huy học đến lớp 9 thì bỏ học năm 15 tuổi để đi học làm thợ sửa xe máy từ 1995 đến 1999. Nhập ngũ năm 1999, Trương Quốc Huy bị cho xuất ngũ năm 2002 vì sử dụng ma túy, từ đó sống bằng nghề buôn bán lật vặt và sửa điện thoại di động.

Trương Quốc Huy bắt đầu tham gia các diễn đàn paltalk, đặc biệt là diễn đàn "Tiếng nói tự do của nhân dân trong và ngoài nước" từ năm 2005. Trên diễn đàn này, Huy làm quen được với một số người tự nhận là đấu tranh cho dân chủ, mà Huy chỉ biết qua nickname (bí danh). Một số những người này tự xưng là thuộc tổ chức "Hội Đồng Quân Dân Cứu Quốc" và rủ Huy tham gia với họ để chống lại chế độ cộng sản Việt Nam. Họ gửi cho Huy 600 USD để hoạt động.

Theo lời khai của Trương Quốc Huy với công an sau khi bị bắt, anh đã cho mẹ một nửa số tiền này. Trương Quốc Huy đã in và rải truyền đơn hai lần, một lần ngày 17-6-2005 tại Kiên Giang và một lần ngày 25-8-2005 tại Gò Vấp. Những truyền đơn này đều rất ngắn với nội dung đơn sơ, kêu gọi nhân dân đứng lên chống chế độ cộng sản. Số lượng truyền đơn rải ra cũng không đáng kể. Trong vụ rải truyền đơn tại Kiên Giang, Trương Quốc Huy đã in được 240 tờ, nhưng chỉ rải một phần, phần còn lại giấu vào bụi chuối. Cách rải truyền đơn cũng không cho phép truyền đơn có nhiều triển vọng đến tay người đọc : thuê xe ôm, rồi ngồi đằng sau rải cho truyền đơn bay đi trong những nơi vắng vẻ. Lần rải truyền đơn ở Gò Vấp, số lượng còn ít hơn. Nói chung, những hành động này hầu như hoàn toàn vô tác dụng. Tuy nhiên sau mỗi lần như vậy, Trương Quốc Huy đều lên diễn đàn Paltalk báo cáo là hoàn thành công tác.

Ngoài hai vụ rải truyền đơn này, Trương Quốc Huy còn viết "Ký sự miền Tây" gửi cho nhiều báo điện tử. Nhưng phải chăng Trương Quốc Huy đã bị bắt vì lên diễn đàn Paltalk một cách lộ liễu ? Sự kiện Huy và các bạn bị bắt tại một quán café-internet có thể khiến người ta nghĩ như vậy, nhưng nếu nhìn kỹ hơn thì sự thật có thể khác. Trương Quốc Huy đã bị tố giác, bởi vì công an đã biết khá chi tiết cả những việc Huy làm trước đó, nghĩa là hai lần rải truyền đơn.

Ngoài ra, một vụ khác, tương tự như vụ này nhưng xảy ra tại Đà Nẵng, trong đó người bị bắt là Hoàng Tấn Phát, sinh năm 1984, càng khiến người ta tin là những thanh niên ngây thơ bị bắt này sa vào cạm bẫy của công an trên mạng internet.

Từ vài năm gần đây xuất hiện rất nhiều diễn đàn Paltalk, trong đó mọi người trên khắp thế giới có thể nói chuyện với nhau bằng computer qua mạng internet. Bất kỳ ai cũng có thể mở một diễn đàn như vậy. Đại bộ phận những người tham gia diễn đàn chỉ sử dụng những bí danh. Đó là những cuộc gặp gỡ trong đó không ai biết ai và cho phép mọi thủ đoạn lừa dối. Nhiều tổ chức đã xuất hiện với những cái tên chưa hề được biết tới. Có mọi triển vọng đây chỉ là những tổ chức ảo, chỉ có trên internet do sự tưởng tượng của người thành

lập và sự căm giận của những người khác.

Trên diễn đàn Paltalk, những người tham gia cũng có thể "chat" với nhau, nghĩa là trao đổi riêng với nhau những thông điệp và đây cũng là một phương tiện để gài bẫy những người nhiều thiện chí nhưng dễ tin người. Không có gì dễ hơn để một công an sử dụng một bí danh, tự giới thiệu như là một người dân chủ để làm quen với những người khác và phát giác ra những người đối lập thật sự. Cũng không có gì khó để tạo ra một "tổ chức dân chủ ảo" trên mạng internet để dụ dỗ những người nhẹ dạ gia nhập "tổ chức" và sau khi đã nắm vững lý lịch họ liền cho những người này gia nhập vào nhà tù nếu ở Việt Nam. Công an cũng có thừa phương tiện tài chính để các tổ chức dân chủ vừa ảo vừa bịp của họ có thể tài trợ chút ít làm mối đối với thanh niên mà họ dụ dỗ trong mục tiêu phát giác ra những mầm mống chống đối để tận diệt từ trứng nước.

Trương Quốc Huy cũng như Hoàng Tấn Phát, rất có thể đã là nạn nhân của những thủ đoạn này. Những người không ai biết đến tại hải ngoại tự nhận là thuộc các tổ chức đấu tranh cho dân chủ đã làm quen với họ qua các diễn đàn Paltalk, kết thân rồi tài trợ cho họ hoạt động, kể cả xúi giục họ rải truyền đơn hay tài liệu phản kháng. Cuối cùng họ bị bắt và công an biết rất rõ tất cả những gì họ đã làm với đủ bằng chứng. Internet là một dụng cụ quý báu để thông tin và trao đổi với điều kiện là người ta biết phê phán những thông tin và biết rõ những người trao đổi với mình. Nhưng nó không bao giờ có thể là phương tiện để thành lập các kết hợp giữa những người chưa biết nhau từ trước. Phải cảnh giác vì cái giá phải trả cho sự nhẹ dạ có thể sẽ rất đắt.

**Nghiêm Văn Thạch**

## **MUA BÁO**

**Gia nhập HVNHĐ**

## **ABONNEMENT**

**Adhésion à VNFraternité**

Họ (Nom) : .....

Tên (Prénom) : .....

Địa chỉ (Adresse) : .....

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :.....

Điện thoại (Tél.) : .....

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (\*):

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)  
pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ  
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(\*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG  
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : **Vietnam Fraternité**  
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -  
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) : .....

Chữ ký (Signature).....



# Người Việt, cờ vàng

Cả hai chúng tôi đều là độc giả trung thành của nhật báo Người Việt. Không những thế, chúng tôi còn ái mộ và biết ơn ban biên tập Người Việt. Chúng tôi không được đọc báo Mỹ, nhờ báo Người Việt mà chúng tôi hiểu được tình hình Việt Nam và thế giới. Anh em Người Việt là những người có trình độ văn hóa cao, dư sức làm giàu nếu không làm báo. Chúng tôi không có được một góc cái trí tuệ của họ, tôi bán phở, hần bán nhà, tôi vừa mua Mercedes, hần vừa đổi Lexus, đâu có nghèo như họ. Hình như họ có nợ nần gì với đất nước Việt Nam. Đã thế, còn bị xỉ vả, phải xin lỗi. Thật là oan nghiệt !

Hần vừa tới tiệm phở là chúng tôi bàn ngay về những gian truân của Người Việt qua vụ lá cờ trong chậu nước. Tôi nói :

- Vô lý quá. Cái cô Châu này viết một bài thật cảm động. Cái chậu ngâm chân là dụng cụ hành nghề công việc mẹ cô ấy, nhờ nó bà cụ cặm cụi làm ăn nuôi cô ấy đi học nên người. Nó là dụng cụ thân thương của cô ấy, vẽ cờ vàng trên đó là cô ấy biểu lộ một tình cảm chân thực. Ông Vũ Ánh có lý khi đưa lên số báo Xuân.

Hần giải thích :

- Đây là một vấn đề đặc biệt của riêng lá cờ vàng. Nếu là cờ Mỹ thì chẳng có vấn đề gì cả. Người Mỹ có thể vẽ cờ Mỹ trên mọi đồ vật, cả người Mỹ gốc Việt cũng thế. Nhưng đối với lá cờ vàng thì lại khác. Người Việt tại Mỹ có hai lá cờ và hai tâm lý khác nhau. Khi cầm cờ Mỹ, họ suy nghĩ như một người Mỹ hiện đại. Khi cầm cờ vàng, họ suy nghĩ như một người Việt... trước 1975.

Hần nói đúng, nhưng tôi vẫn phân vân.

Hần nói tiếp :

- Người Việt Nam có cả một triết lý về dụng cụ. Có những dụng cụ được coi là cao quý, và cũng có những dụng cụ bị coi là thấp kém, tùy theo quan hệ của chúng với bộ phận nào đó trong cơ thể con người. Mà có thể may cờ vàng trên mũ, rất tốt, bởi vì mũ đội trên đầu, còn nếu may cờ trên quần là có chuyện ngay. Người Việt chúng ta không đơn giản như những dân tộc khác. Chúng ta có bốn ngàn năm văn hiến mà. Chúng ta phân biệt trong cơ thể những phần sang và những phần hèn, cơ thể chúng ta cũng có giai cấp. Nói chung, những bộ phận ở trên cái rốn là sang, những gì ở dưới là hèn, không như những dân tộc sơ đẳng khác cái gì cũng coi như nhau. Bọn Mỹ vẽ cờ của chúng trên mặt cũng được, trên móng trên vú cũng chẳng sao. Có đứa còn có cờ trên quần xì líp. Chúng nó còn cho như vậy là hay vì đó là những chỗ người ta thích nhìn. Dĩ nhiên triết lý cơ thể của tư tưởng Việt Nam cũng có ngoại

## MỤC LỤC

01. Vấn đề của năm Mậu Tý : Tìm một kịch bản đấu tranh đúng  
*Thông Luận*
03. N  
*Nguyễn Gia Kiểng*
06. Ước vọng đầu năm Mậu Tý 2008  
*Phạm Đình*
08. Thông điệp của mùa xuân  
*Việt Hoàng*
10. Vụ tòa khâm sứ tại Hà Nội: Cần một giải pháp toàn bộ  
*Nguyễn Huy Đức*
12. Hoàng Minh Chính : một người yêu nước, nhiệt thành...  
*Lê Mạnh Tường*
13. Vài dữ kiện quan trọng về Hoàng Sa - Tây Sa  
*Tôn Thất Thiện*
15. Hoàng Sa, Trường sa là của Việt Nam !  
*Nguyễn Nhã*
16. Một cái nhìn về tổ chức quân đội cộng sản Việt Nam  
*Nguyễn Văn Huy*
22. Thiêng liêng Yên Tử trên đỉnh non ngàn  
*Lê Văn Hào*
24. Vấn đề Tam Nông tại Trung Quốc  
*Trần Kha*
26. Thấy gì từ mô hình Bắc Âu  
*Nguyễn Minh*
28. Mc Caine : tổng thống tương lai của HK  
Nhiều quốc gia châu Phi da đen có thể tan rã  
Nhiều phong trào đình công có thể phát triển qui mô hơn  
Lê Thị Công Nhân trong nhà tù  
*Nguyễn Sơn Bá*
30. Trần Khải Thanh Thủy được trả tự do  
Coi chừng cạm bẫy paltalk  
*Nghiêm Văn Thạch*
32. Người Việt, cờ vàng  
*Đáy*

lệ, chẳng hạn như cái nách tuy ở phần trên nhưng không được coi là cao đẹp. Ở phía dưới cũng có một bộ phận gây nhiều tranh cãi, người Việt coi đó là thấp hèn nhưng cũng có thể bỏ cả vợ con danh giá, sự nghiệp vì nó. Trịnh Sâm mất nước vì mê nó, Hồ Chí Minh để tiếng như giết vợ, bỏ con cũng vì mê nó. Về điểm này thì người Việt cũng không khác người Mỹ. Bill Clinton, Newt Gingrich thân bại danh liệt vì nó.

Chúng tôi đồng ý là phải hỗ trợ báo Người Việt. Mỗi đứa ký một chi phiếu ủng hộ. Tôi chợt nảy ra một sáng kiến.

- Nhóm chủ trương Người Việt bằng lòng hoàn lại tiền mua báo cho những độc giả đem trả lại số báo Xuân. Như thế thì thiệt hại tài chánh lớn quá, tờ báo có thể bị phá sản. Hay là chúng mình ra tòa soạn đề nghị anh em Người Việt in hình thau nước ngâm chân đó với cờ đỏ sao vàng để khẳng định lập trường chống cộng ? Như thế là đẹp lòng mọi người.

Hần nhắc nhở :

- Mà ngu quá, làm như thế thì tòa soạn có thể bị đốt về tội thân cộng. Tao đã bảo rằng đây là một vấn đề đặc biệt của cờ vàng.